

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Nền kinh tế ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị doanh nghiệp muốn có được số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh có độ tin cậy cao thì cần tổ chức đội ngũ nhân viên và quy trình kế toán sao cho phù hợp với thực trạng đơn vị mình, ít tốn kém và mang lại hiệu quả. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp.

Nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại Tân Tiến em đã lựa chọn chuyên đề : “ *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Tân Tiến* ” .

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lí luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến.
- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Lĩnh vực nghiên cứu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu: Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến trong thời gian thực tập.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lí luận đến thực tiễn, lấy thực tế để kiểm tra lí luận.

- Phương pháp cụ thể: Phương pháp trình bày, diễn giải, so sánh, phân tích, quy nạp...

- Phương pháp thống kê: Dựa trên những số liệu đã được thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục cho Công ty nói chung và cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

5. Nội dung, kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH thương mại Tân Tiến.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại Tân Tiến.

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của giảng viên và các cô chú ở phòng kế toán tài vụ của công ty đã giúp em hoàn thành luận văn của mình. Song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi, báo cáo của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1 Khái quát về doanh thu

1.1.1.1 Doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu

- Doanh thu: là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu tài chính: là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

❖ *Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ **Các phương thức bán hàng**

Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.


Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

Phương thức tiêu thụ nội bộ: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp ...

1.1.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

 *Chiết khấu thương mại:* Là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong

một thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng.

✚ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

✚ **Hàng bán bị trả lại:** Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

✚ **Thuế xuất khẩu:** Thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

✚ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

✚ **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.2 Khái quát về chi phí

1.1.2.1 Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

✚ **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất. Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

✚ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

- Chi phí vật liệu bao bì: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.
- Chi phí dụng cụ đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.
- Chi phí bảo hành sản phẩm: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định và bảo hành.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.
- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dùng chung của doanh nghiệp
- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: khấu hao của những TSCĐ dùng chung

cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- Thuế phí, lệ phí: các khoản thuế như thuế nhà, thuế đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

1.1.2.2 Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

1.1.2.3 Chi phí khác

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt

động khác.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa, ...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

➤ Đối với các doanh nghiệp:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh

Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

➤ Đối với Nhà nước:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Nhà nước mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát

➤ **Đối với nhà đầu tư:** thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

➤ **Đối với các nhà đầu tư tài chính trung gian:** các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

➤ **Đối với nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

1.1.5 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu

1.2.1.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).
- Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi.
- Phiếu xuất, Phiếu thu, Giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản dùng để hạch toán các khoản doanh thu
- ✓ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các tài khoản cấp 2:

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 – Doanh thu bán hàng các thành phẩm
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- ✓ TK 512 “Doanh thu tiêu thụ nội bộ”

Các tài khoản cấp 2:

- TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

TK 521 “Chiết khấu thương mại”

TK 531 “Hàng bán bị trả lại”

TK 532 “Giảm giá hàng bán”

TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt” và TK 3333 “Thuế xuất khẩu”

- ✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

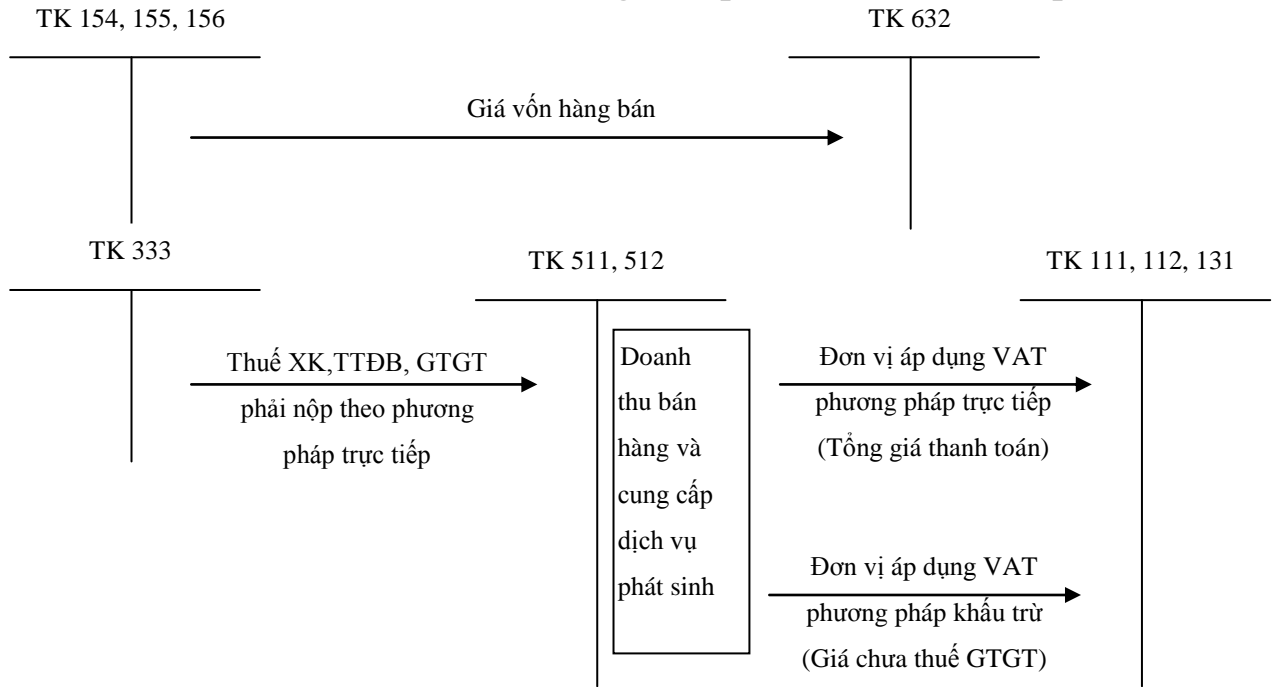
Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất (%)

- ✓ Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Thuế XK phải nộp = Giá tính thuế XK x Thuế suất (%)

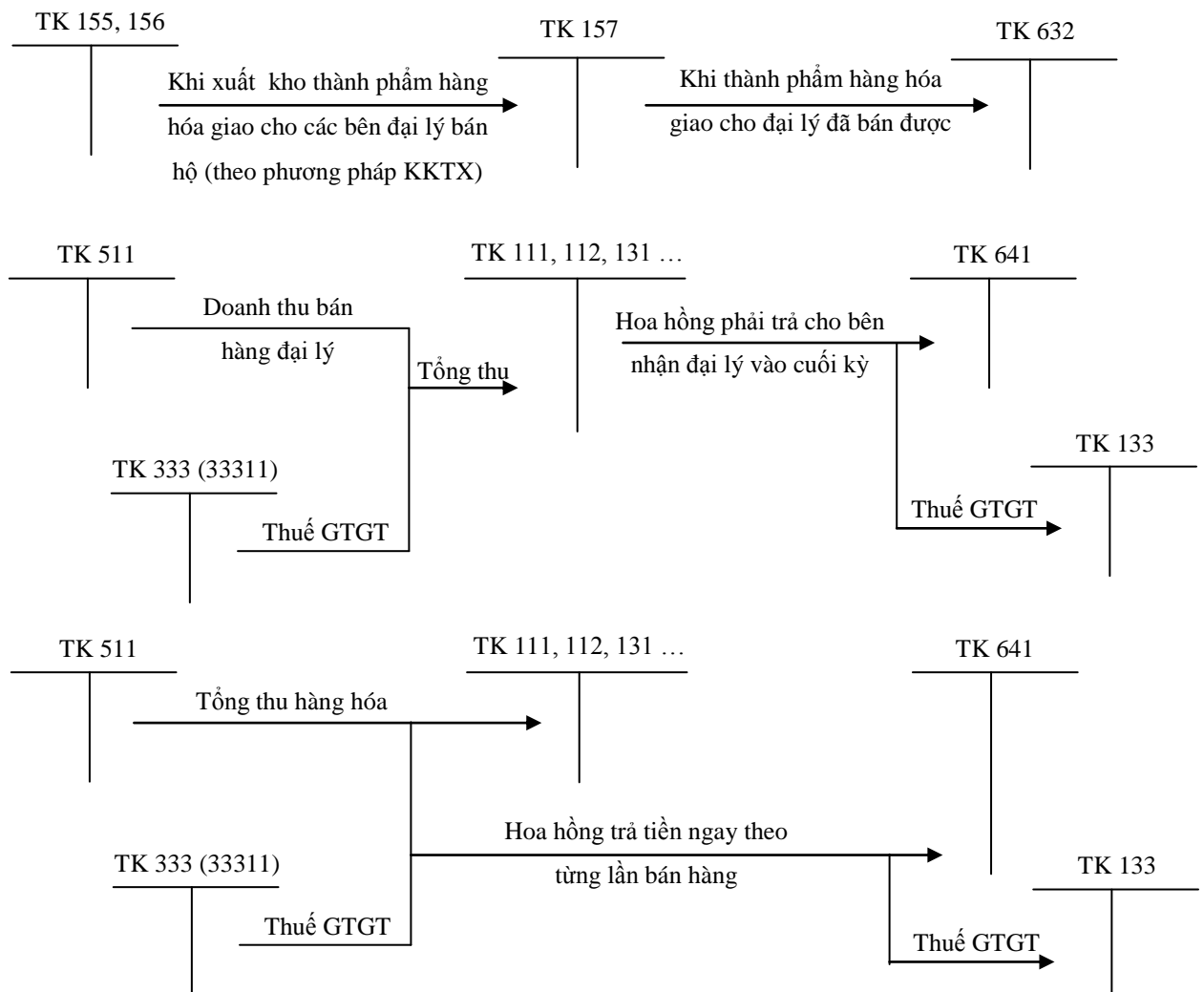
Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp

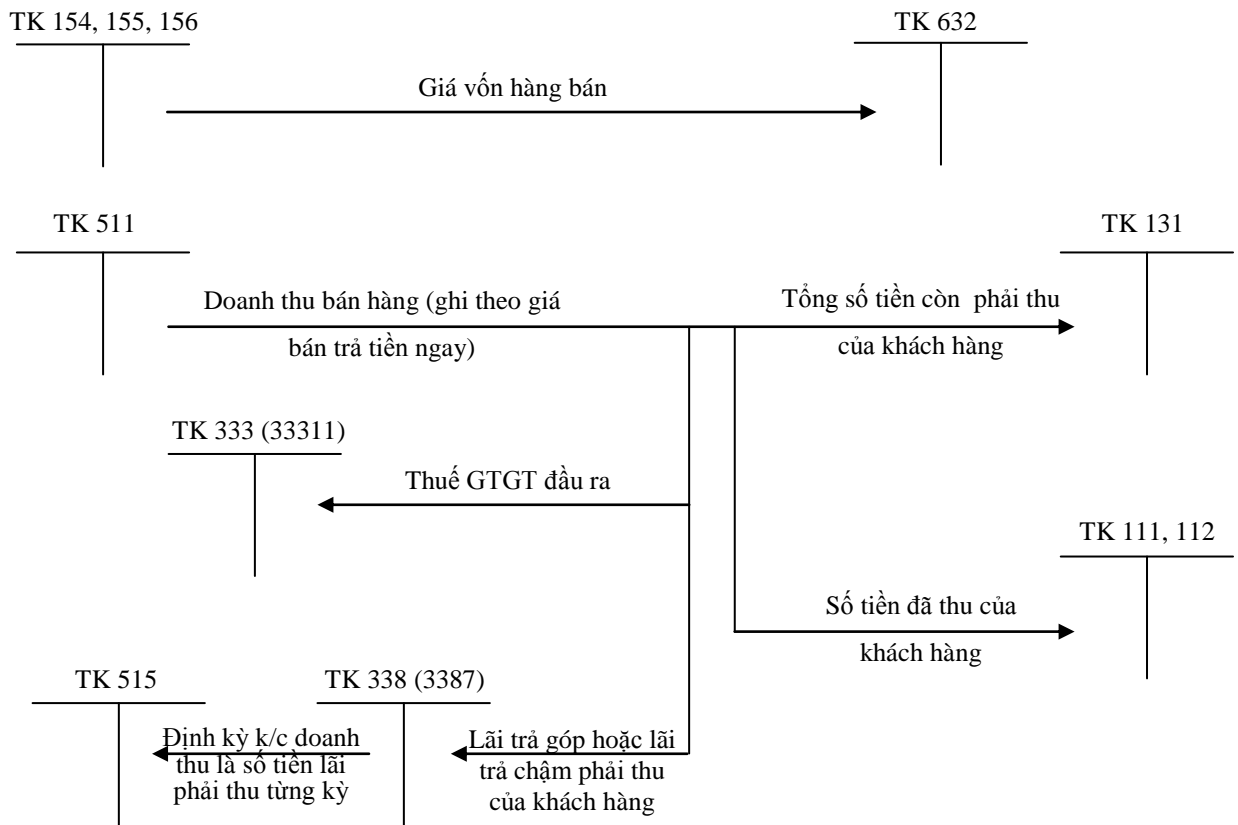


Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

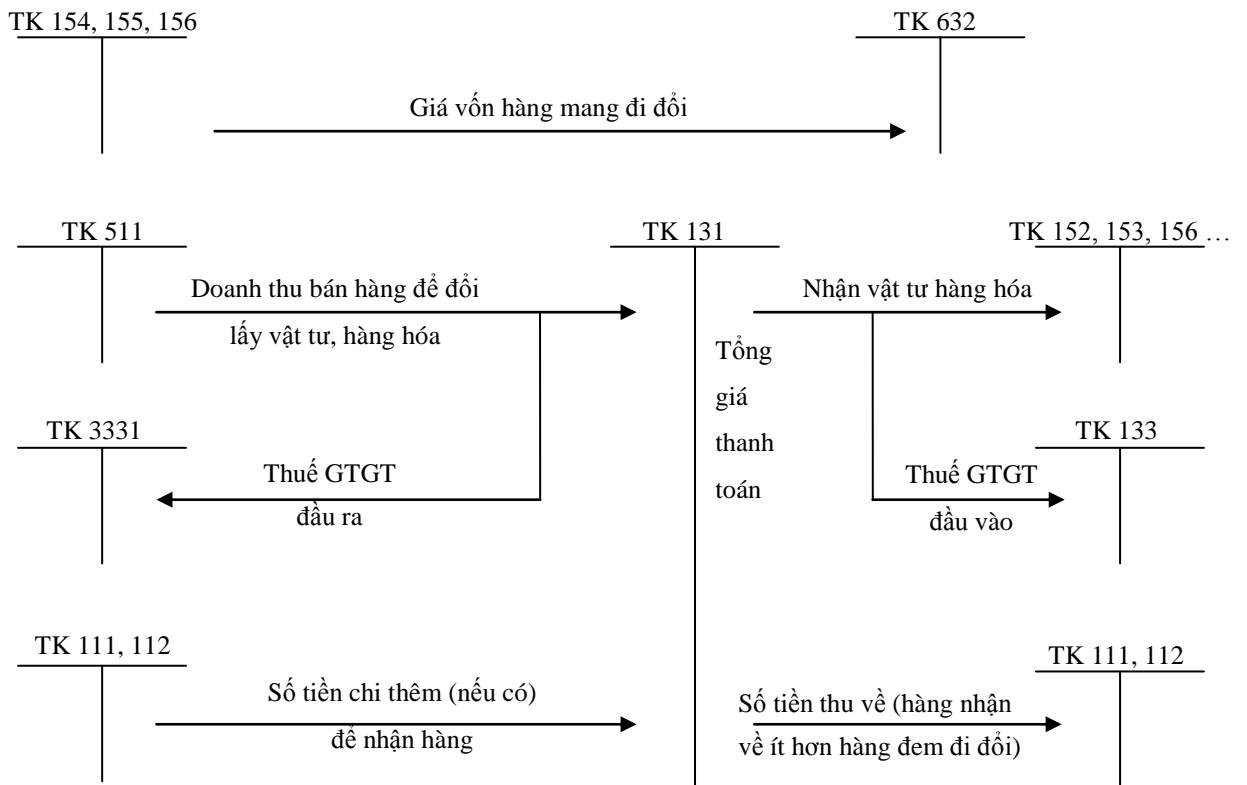
(Đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng)



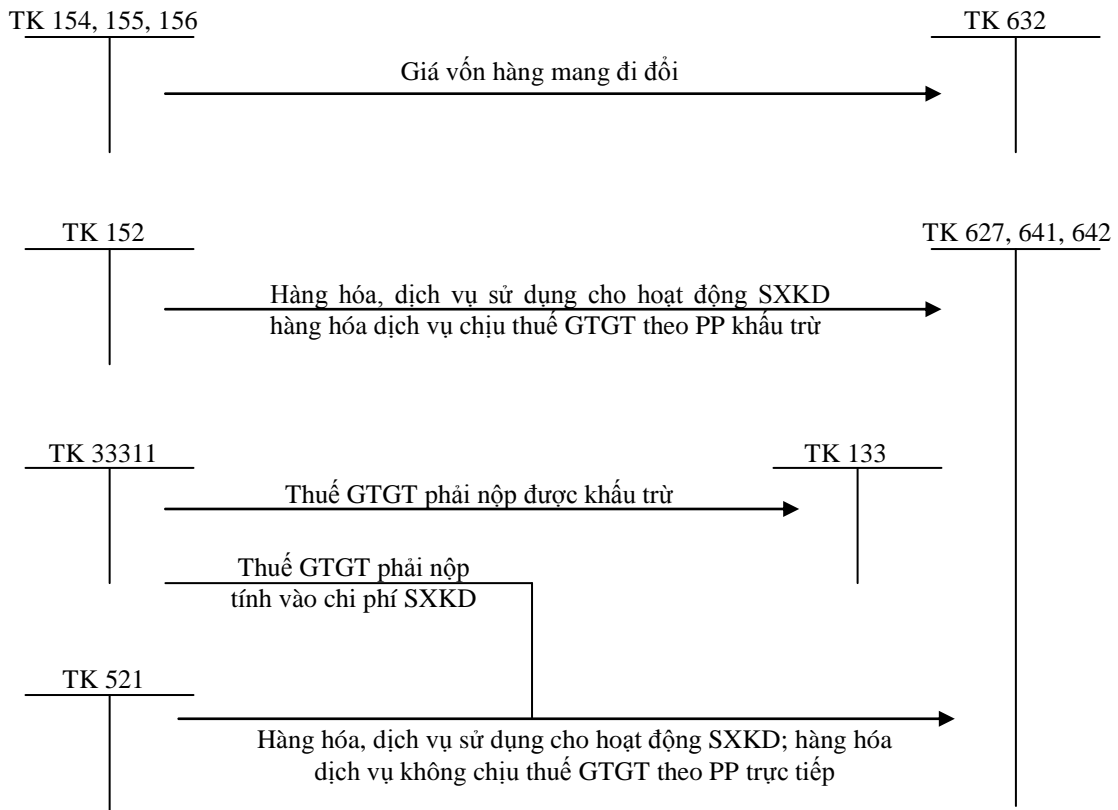
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp)



Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ

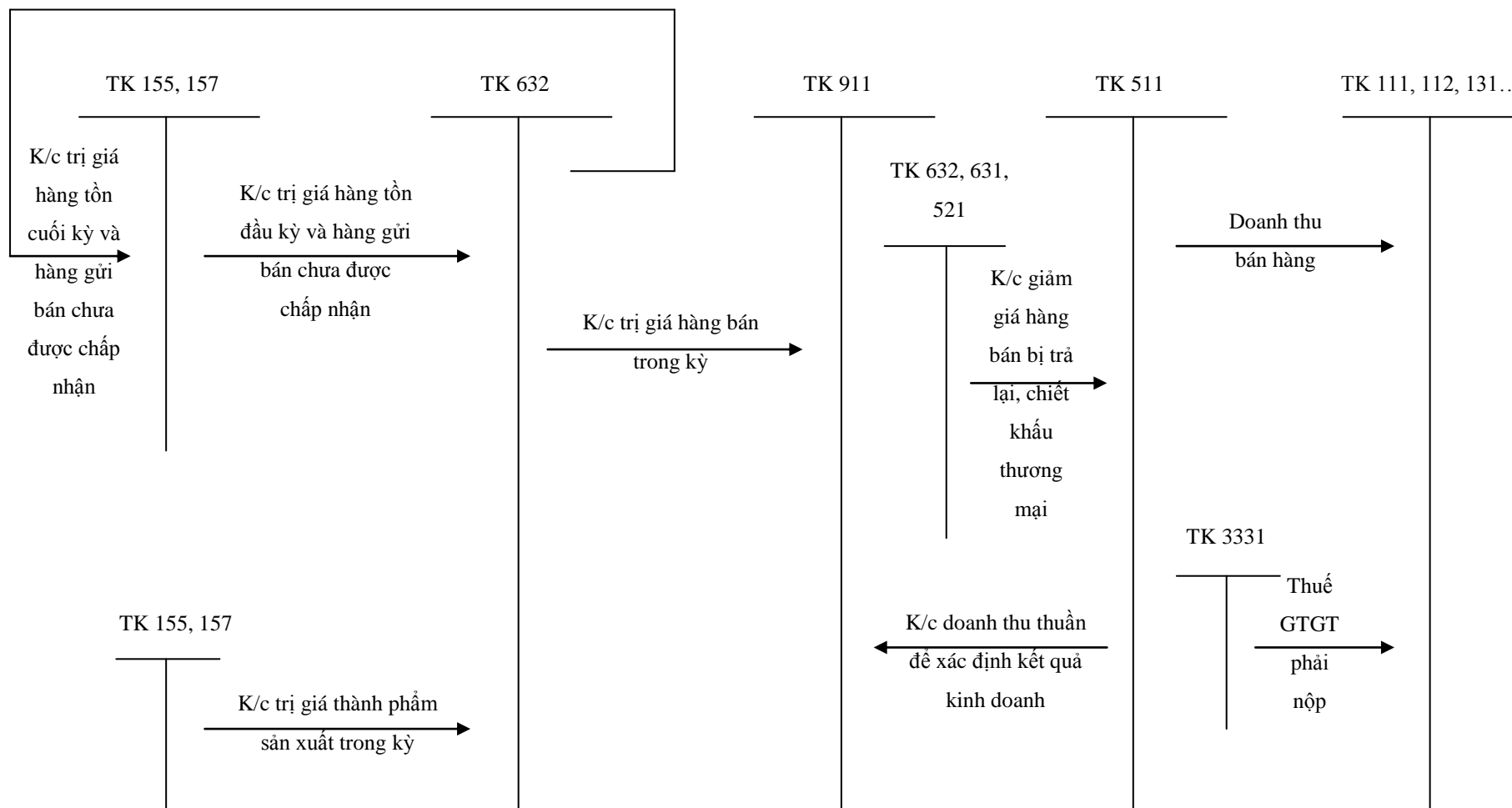


1.2.1.2. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK, việc hạch toán các nghiệp vụ về thành phẩm và tiêu thụ chỉ khác phương pháp KKTX trong việc xác định giá thành sản xuất thực tế (giá vốn) của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành được nhập kho, xuất kho hay đã tiêu thụ trong kỳ. Còn việc hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu giống phương pháp KKTX.

- ❖ Chứng từ sử dụng: Giống phương pháp kê khai thường xuyên
- ❖ Tài khoản sử dụng: Giống phương pháp KKTX

Sơ đồ 1.9: Kế toán tổng hợp chi phí, doanh thu hoạt động kinh doanh hàng hóa (theo phương pháp KKĐK)



1.2.1.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

+TK 521: Chiết khấu thương mại

- TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:
 - TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.
 - TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.
 - TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

+ TK 531: Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

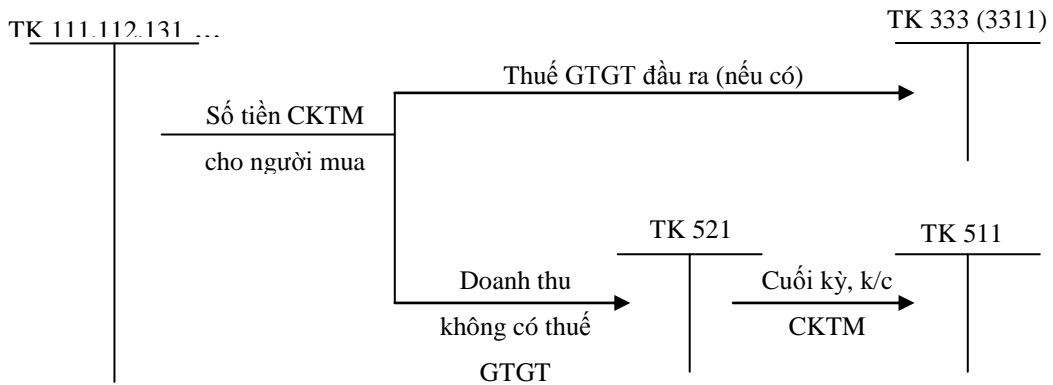
+ TK 532: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này được sử dụng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán cho khách trên giá bán đã thỏa thuận.

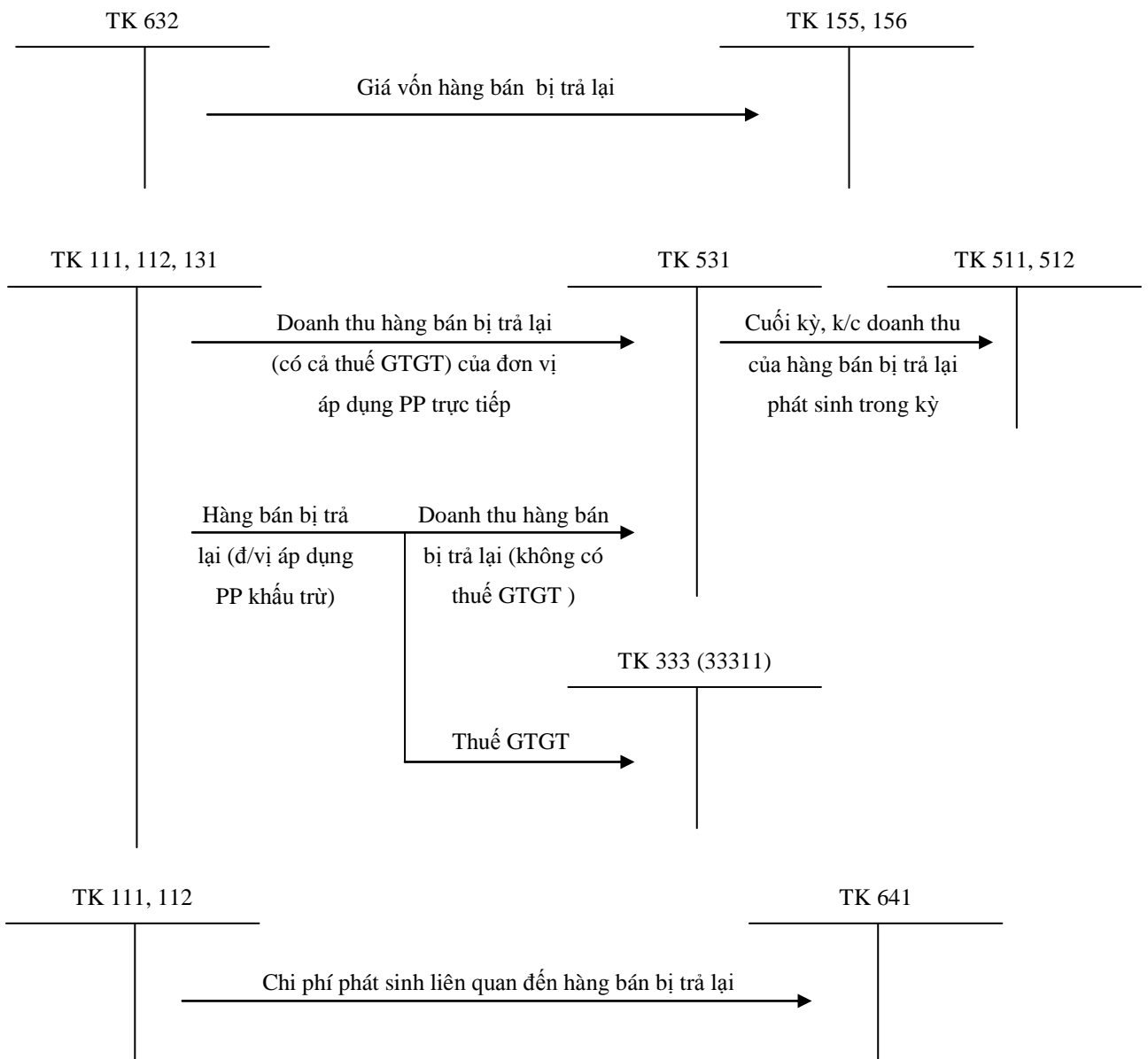
-Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hoá đơn.

❖ Phương pháp hạch toán:

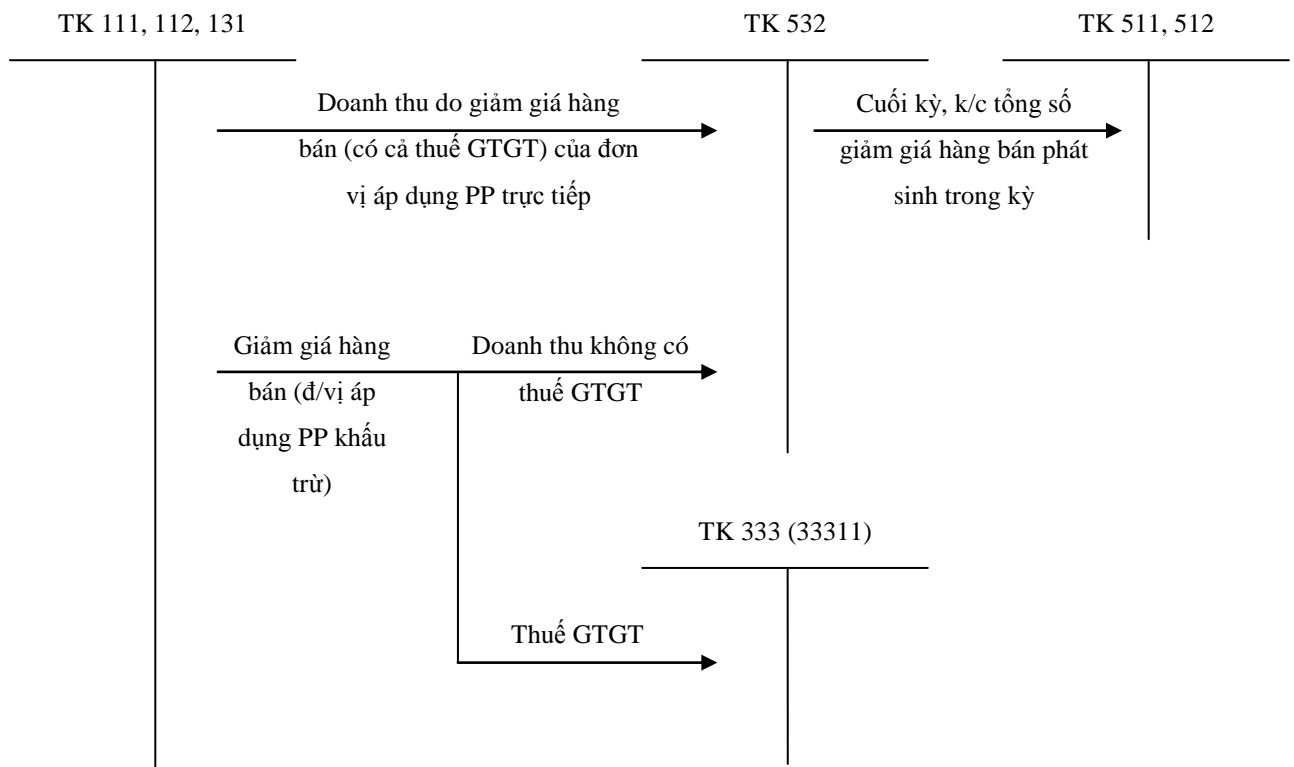
Sơ đồ 1.6: Kế toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.7: Kế toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.8: Kế toán giảm giá hàng bán



1.2.1.4 Kế toán doanh thu tài chính

* Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính;...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp) (Nếu là cho thuê hoạt động, cho thuê bất động sản đầu tư thì hạch toán vào TK 511);

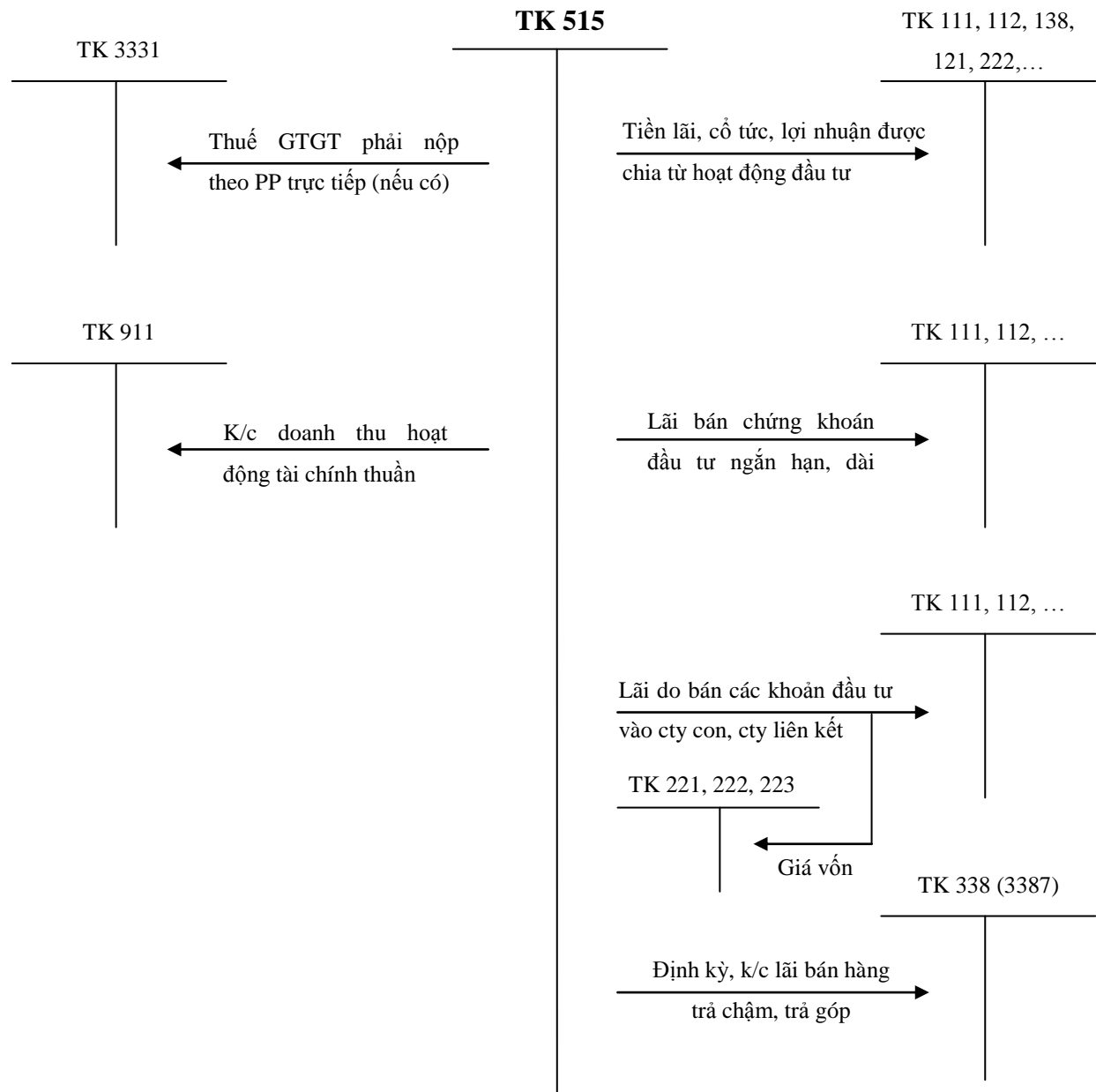
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

* Tài khoản sử dụng: TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

Sơ đồ 1.12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.5 Kế toán thu nhập khác

* Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

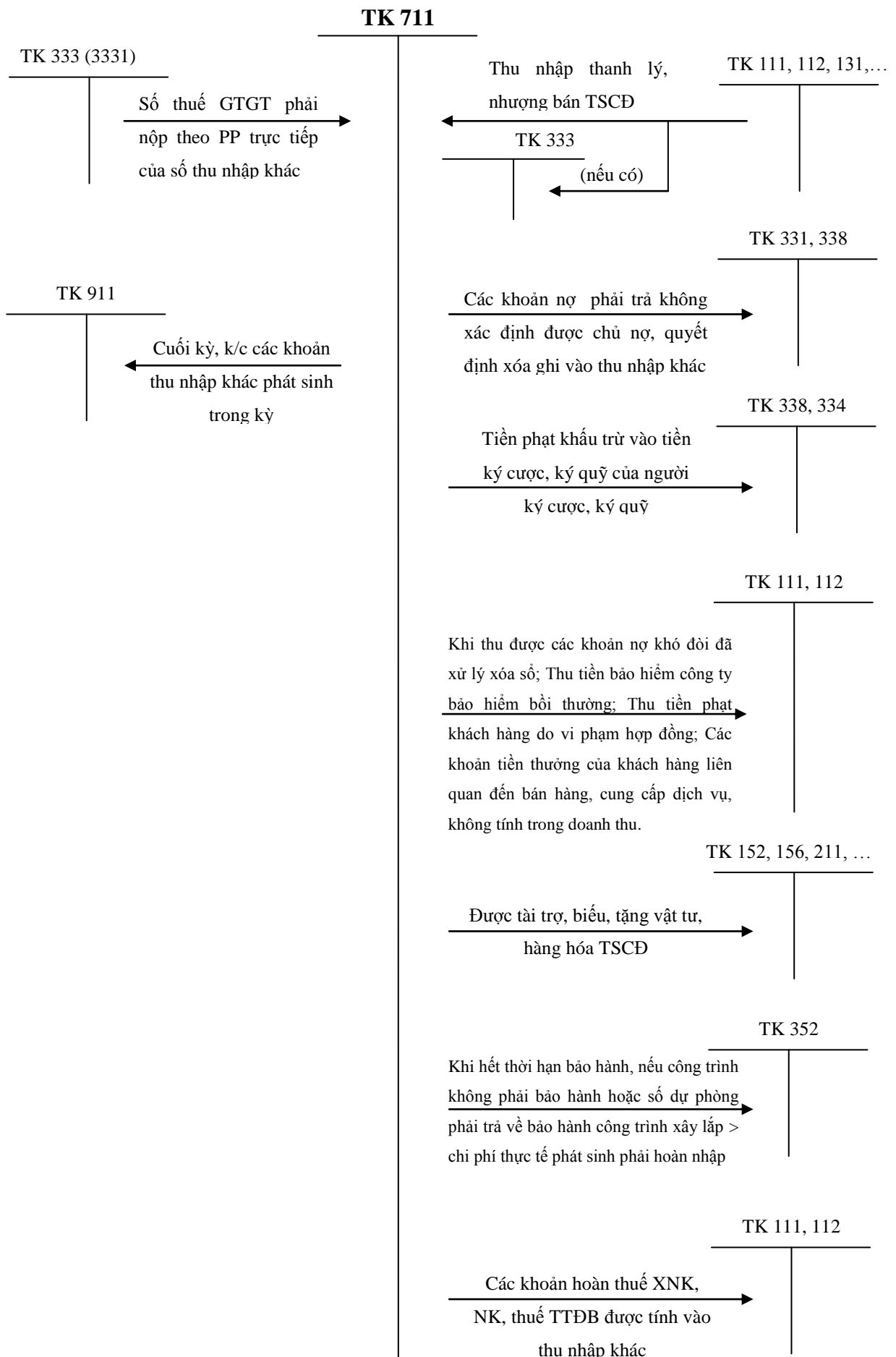
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

* Tài khoản sử dụng: TK 711 "Thu nhập khác".

* Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu thu
- Các chứng từ kế toán khác

Sơ đồ 1.14: Kế toán thu nhập khác



1.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí

1.2.2.1. Tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Kế toán giá vốn hàng bán

✓ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: giá vốn hàng bán.
- TK 632: Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

✓ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT).
- Bảng tính và phân bổ: nguyên vật liệu – công cụ, dụng cụ.
- Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

*** Phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán:**

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Trong đó:

+ Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo một phương pháp tính giá trị giá hàng tồn kho.

+ Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán: Do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan cả đến khối lượng hàng hóa trong kỳ và hàng hóa đầu kỳ, cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ.

Công thức

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí mua} \\ \text{hàng} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{HH đã bán} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng của} \\ \text{HH tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng của} \\ \text{HH phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của HH tồn cuối kỳ và HH} \\ \text{đã xuất bán trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tiêu chuẩn} \\ \text{phân bổ của} \\ \text{HH đã xuất} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: " hàng hóa tồn kho cuối kỳ" bao gồm cả hàng hóa tồn trong kho; hàng hóa đã mua nhưng còn đang đi trên đường và hàng hóa hàng gửi bán nhưng chưa được chấp nhận.

- Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

*** Phương pháp bình quân gia quyền**

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Lượng xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

*** Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần 1).

*** Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Xác định tại thời điểm cuối kỳ: theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

Xác định sau mỗi lần nhập: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập chúng ta sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

*** Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó.

Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập.

Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

❖ **Kế toán chi phí bán hàng**

Trong kế toán tài chính, phục vụ yêu cầu cung cấp thông tin kế toán, chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ được phân loại và tập hợp theo các yếu tố chi phí. Cuối kỳ, kế toán chi phí bán hàng cần được phân bổ và kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Việc phân bổ và kết chuyển chi phí này tùy vào từng loại hình doanh nghiệp và đặc điểm sản xuất kinh doanh.

- Đối với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ: Trường hợp có dự trữ hàng hóa biến động giữa các kỳ thì phải phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tồn cuối kỳ, tức là chuyển một phần chi phí bán hàng thành "chi phí chờ kết chuyển" và phần chi phí bán hàng còn lại phân bổ cho hàng đã được bán trong kỳ để xác định kết quả. Chi phí bán hàng phân bổ cho hàng bán ra được tính theo công thức sau:

$$\text{CPBH phân bổ cho hàng đã bán} = \frac{\text{CPBH cần phân bổ đầu kỳ} + \text{CPBH cần phân bổ phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của hàng xuất bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ}} \times \text{Tiêu chuẩn phân bổ của hàng đã xuất bán trong kỳ}$$

- Tiêu thức phân bổ lựa chọn là trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán.

- "Hàng tồn cuối kỳ": Đối với doanh nghiệp sản xuất là trị giá vốn thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ và hàng gửi đi bán chưa được tiêu thụ cuối kỳ (số dư TK 155, 157).

- Đối với doanh nghiệp sản xuất là trị giá vốn thực tế của hàng tồn kho cuối kỳ, hàng mua còn đang đi đường cuối kỳ và hàng hóa gửi đi bán chưa được tiêu thụ cuối kỳ (số dư TK 151, 155, 157).

✓ Chứng từ kế toán sử dụng:

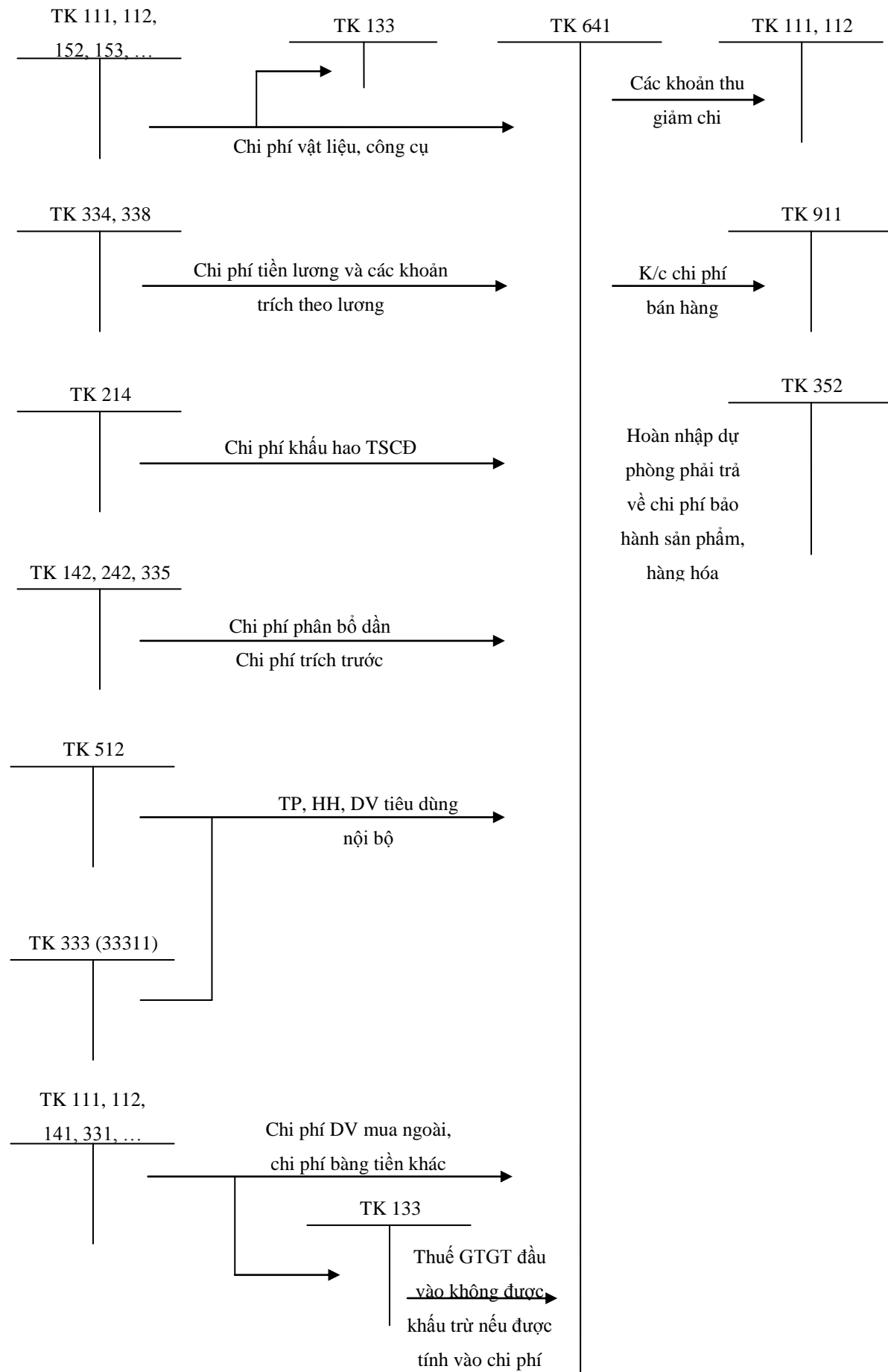
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

✓ Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán, kế toán sử dụng TK 641-chi phí bán hàng có 7 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên.
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí bán hàng



❖ Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại như: chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí gián tiếp của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh cuối kỳ. Vì vậy, cần xác định chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ cho hợp lý.

✓ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu chi
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ kế toán khác

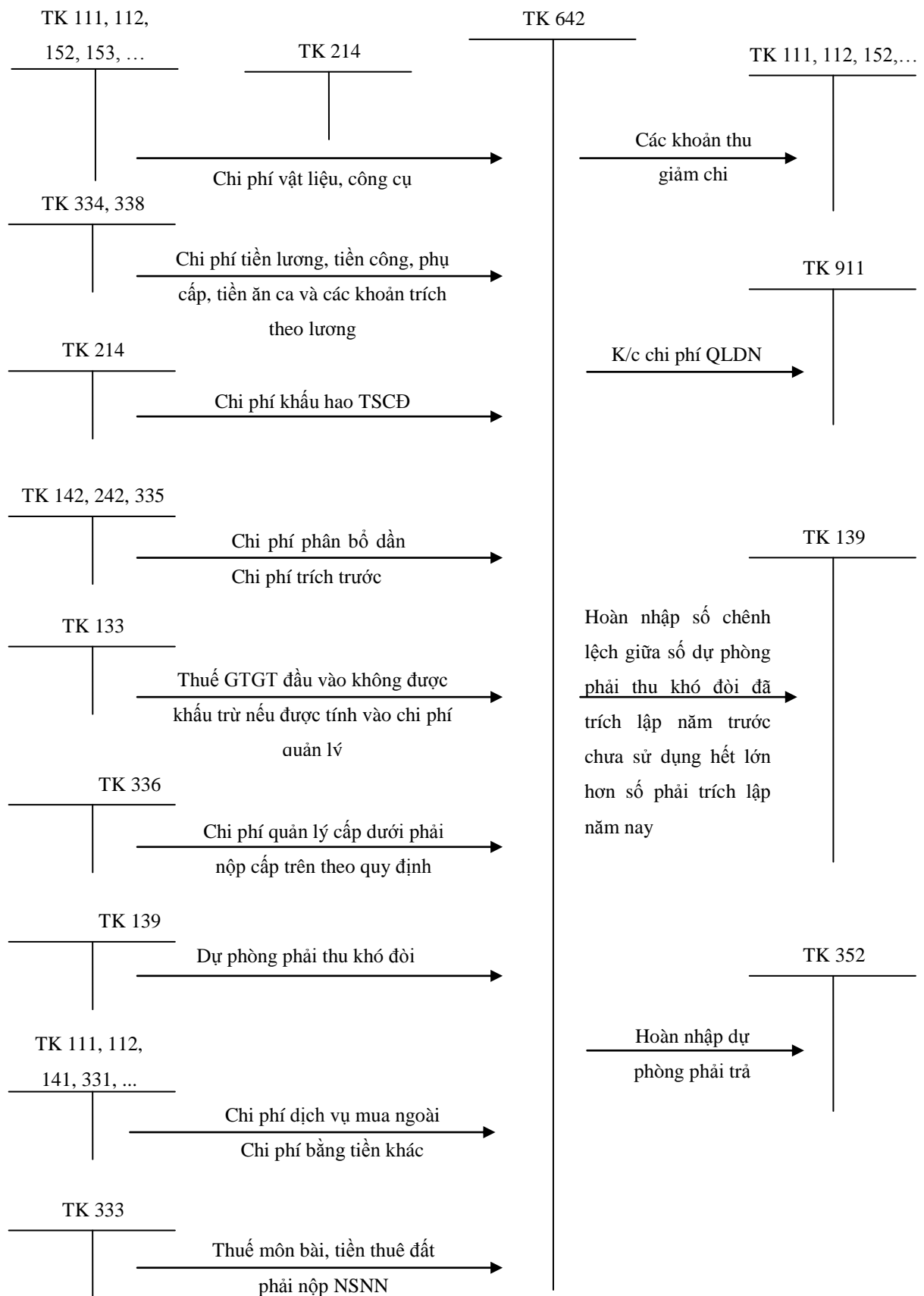
✓ Tài khoản kế toán sử dụng:

Đề hạch toán kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

- TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng.
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



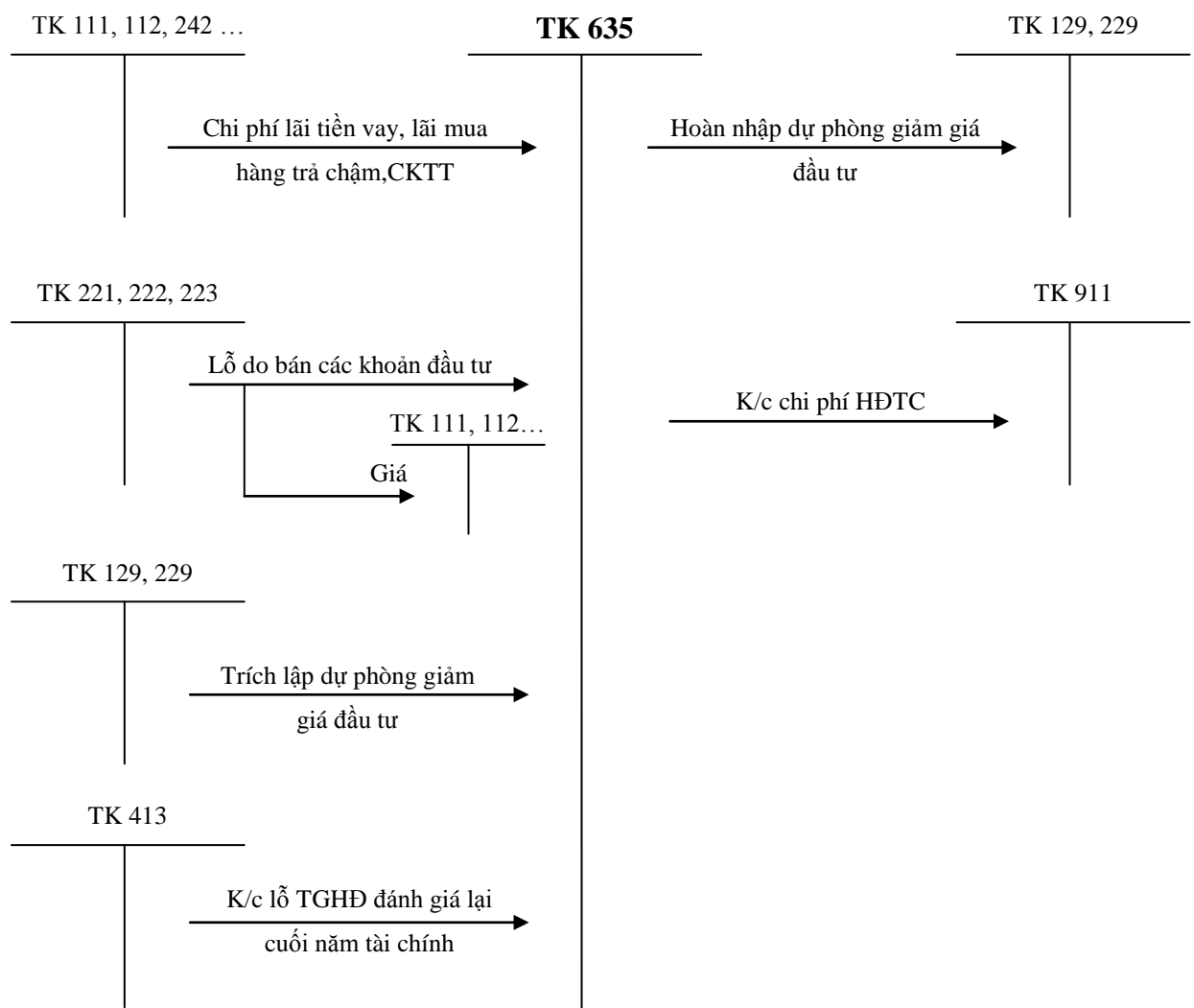
1.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính

✓ Tài khoản sử dụng: TK 635 "Chi phí hoạt động tài chính".

✓ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

Sơ đồ 1.13: Kế toán hoạt động tài chính



1.2.2.3. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

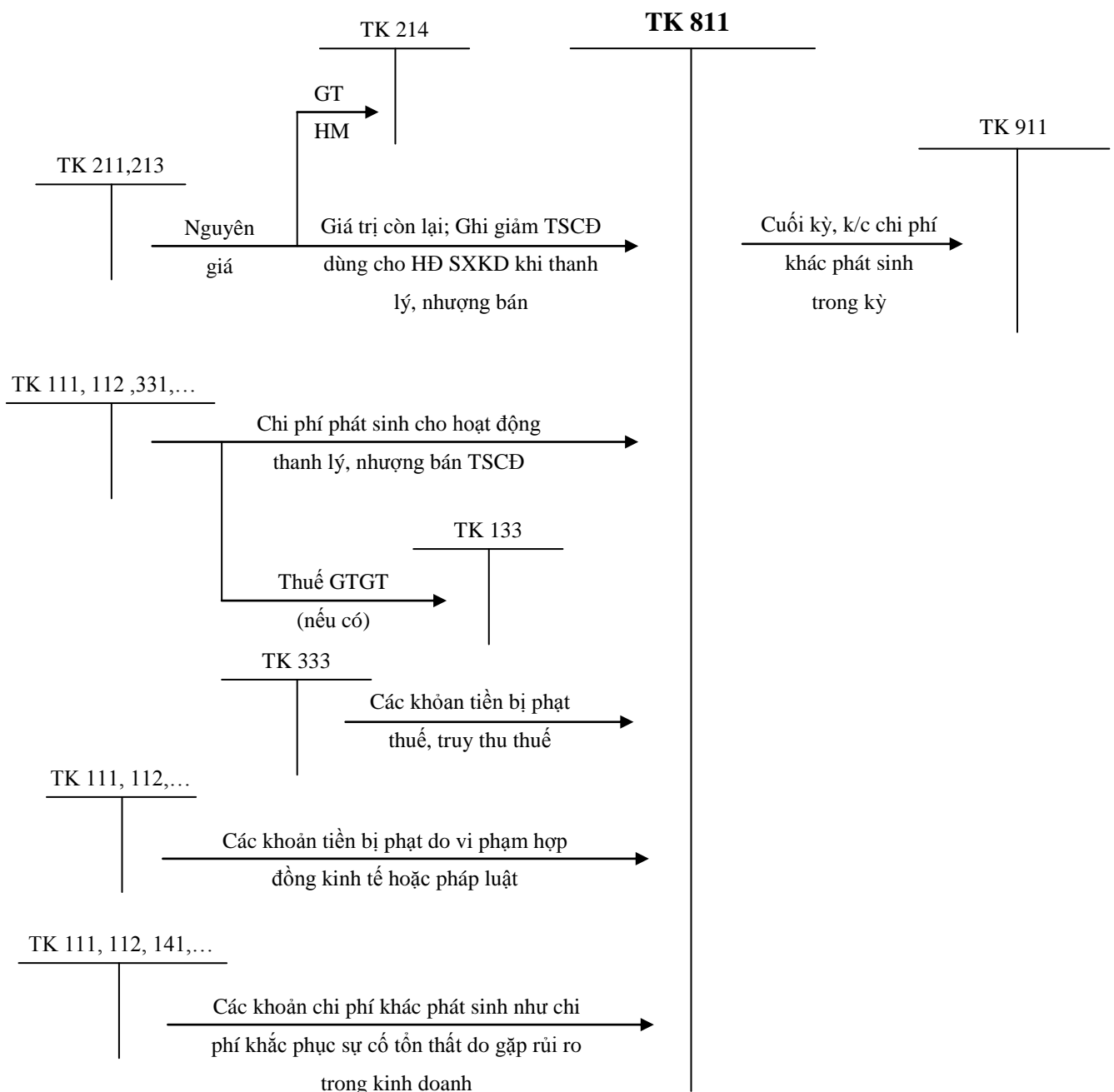
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- Các khoản chi phí khác.

✓ *Tài khoản kế toán sử dụng:* TK 811- "Chi phí khác".

✓ *Chứng từ sử dụng:*

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác liên quan

Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí khác



1.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ **Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Giảm giá hàng bán	-	Hàng bán bị trả lại	-	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (Nếu có)
-----------------	---	--	---	-----------------------	---	-------------------	---	---------------------	---	---

Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần	-	Giá vốn hàng bán
---	---	--	---	------------------

Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chi phí hoạt động bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---	---	---	---	----------------------------	---	------------------------------

➤ **Kết quả từ thu nhập hoạt động tài chính**

Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	=	Thu nhập hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính
--	---	------------------------------	---	-----------------------------

➤ **Kết quả từ thu nhập hoạt động khác**

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	=	Thu nhập từ hoạt động khác	-	Chi phí cho hoạt động khác
-----------------------------------	---	----------------------------	---	----------------------------

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh**

➤ **Nguyên tắc hạch toán TK 911**

+ TK này phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kì hạch toán theo đúng quy định của cơ chế quản lý tài chính.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng

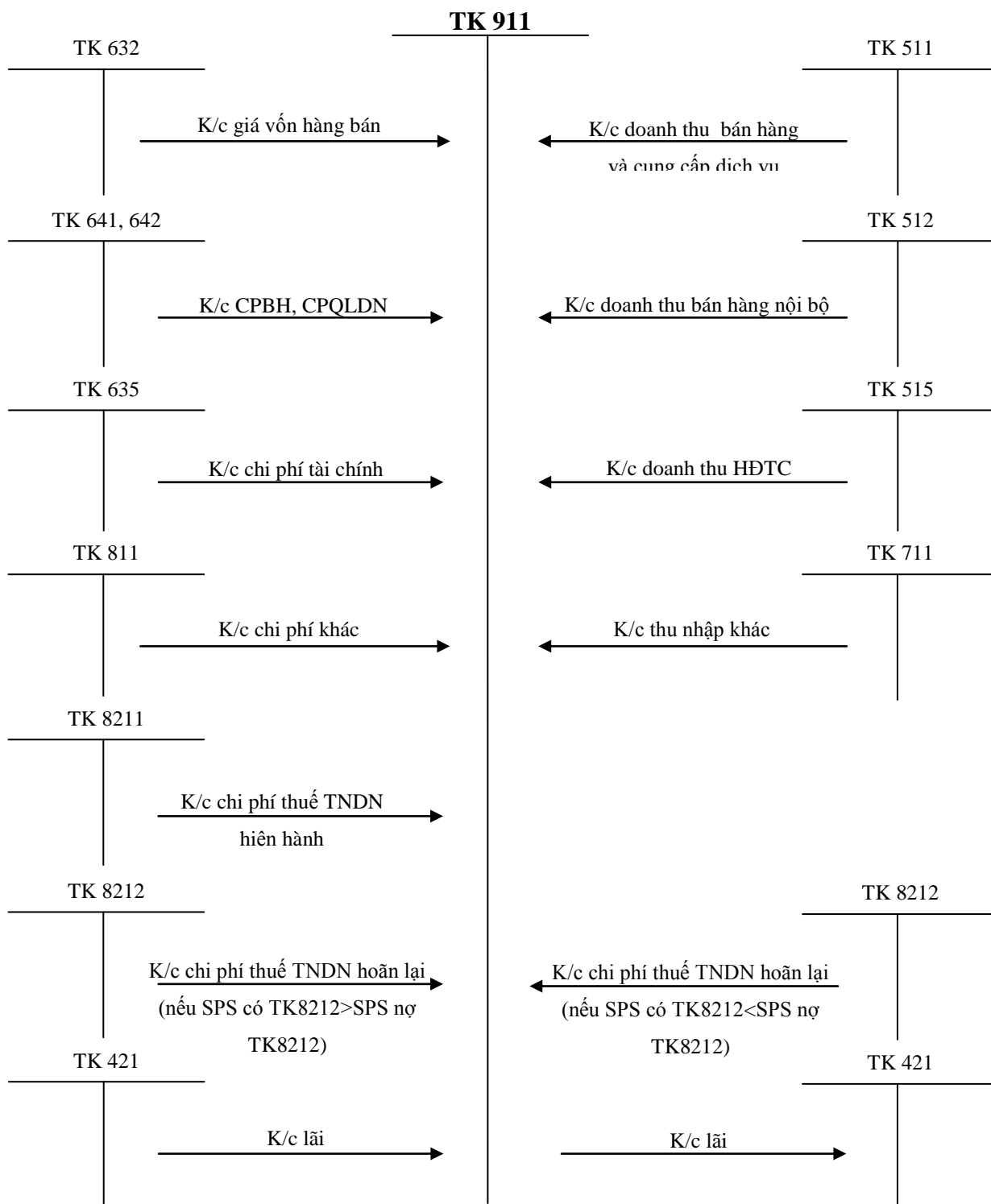
loại hoạt động.

+ Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại, từng khâu, lao vụ, dịch vụ.

+ Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.16: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



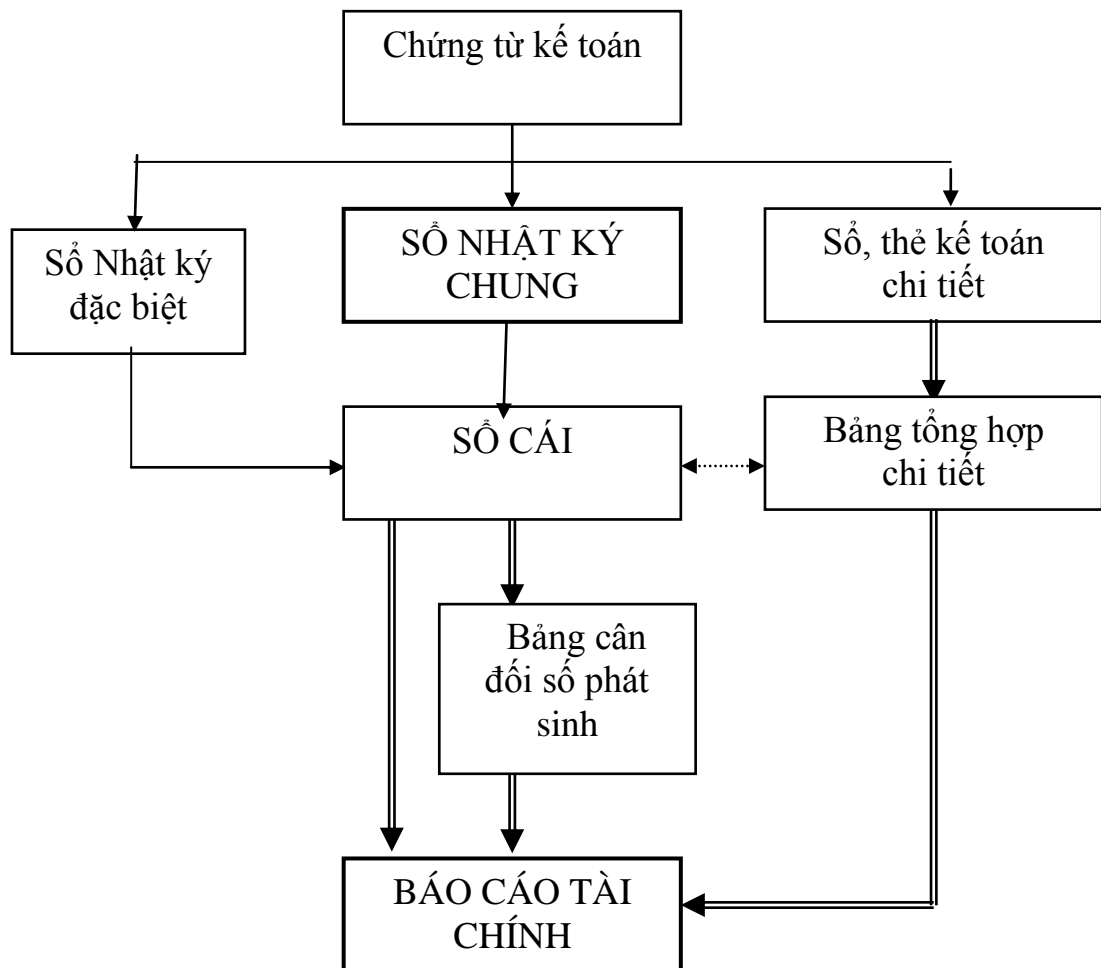
1.2.4 Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp

❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ : Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

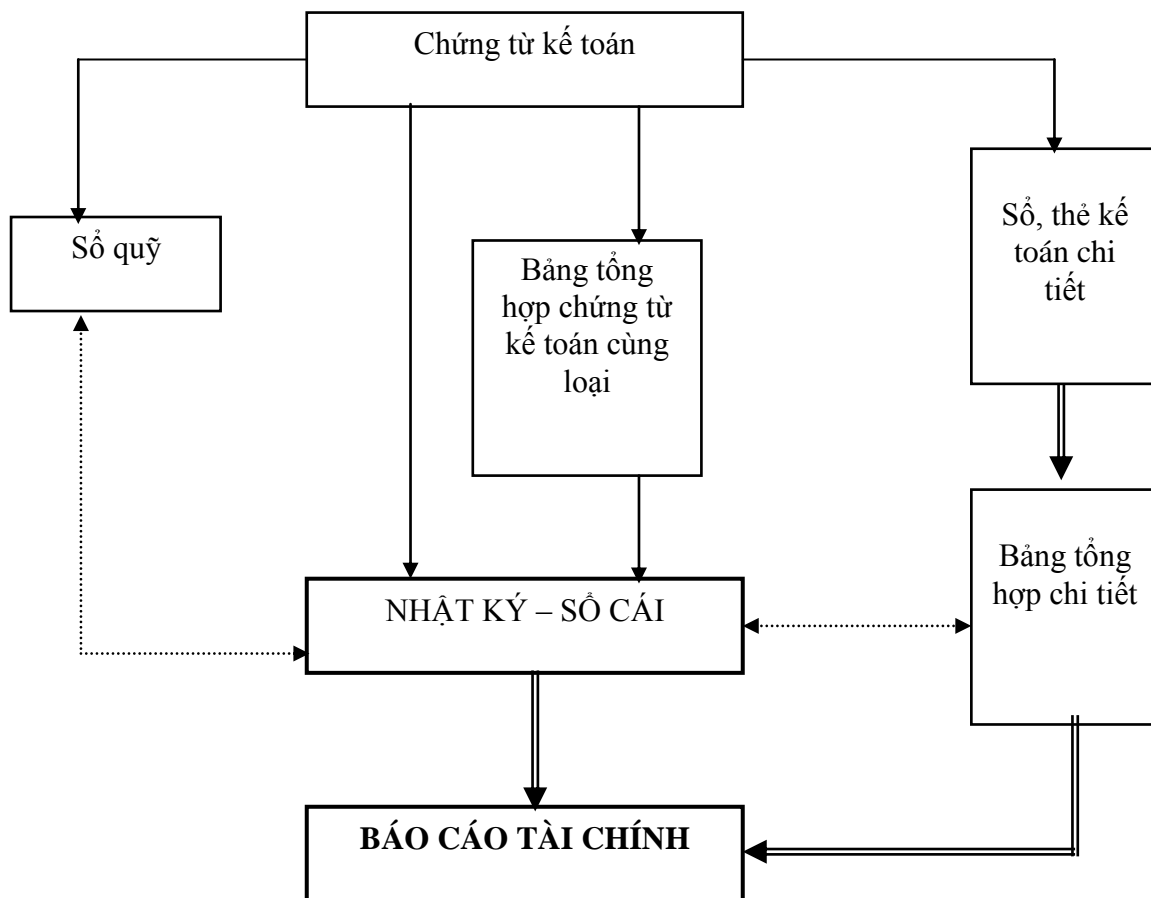
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

❖ Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ: Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký-Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra ←.....→

❖ **Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

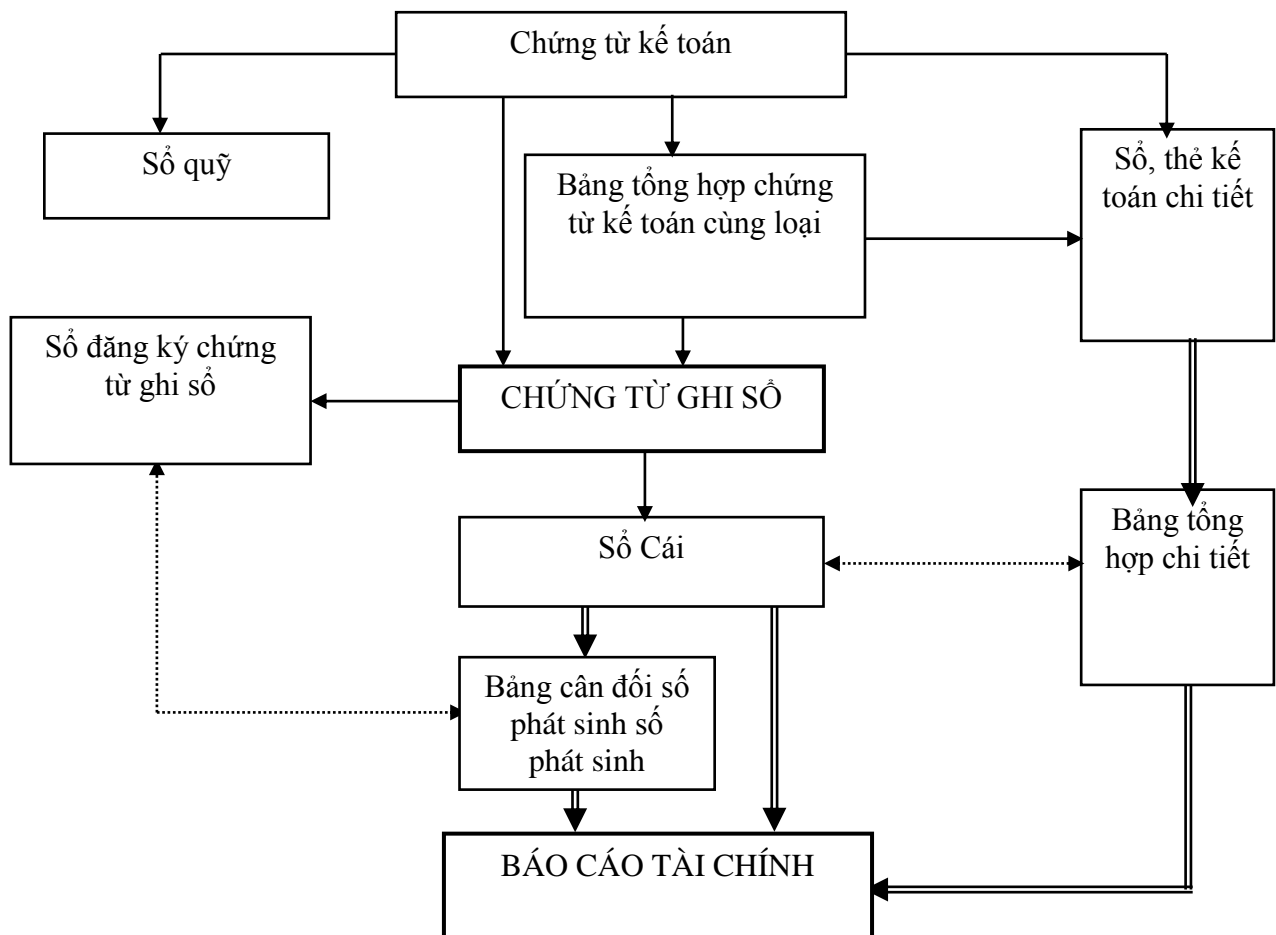
- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

Các sổ: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

❖ Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đứng nợ.

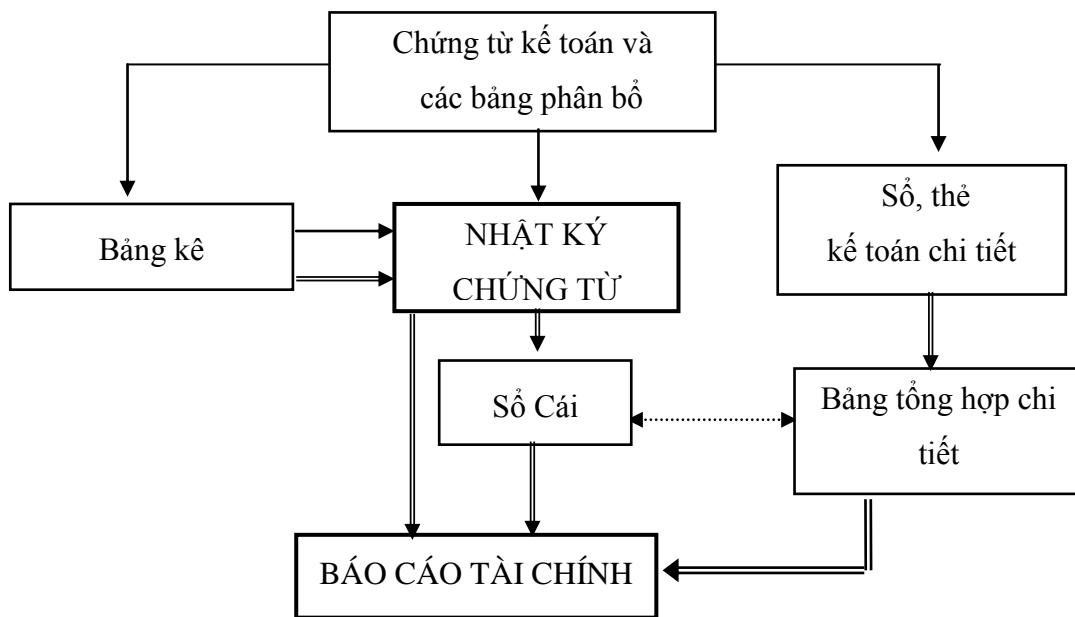
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Các sổ: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

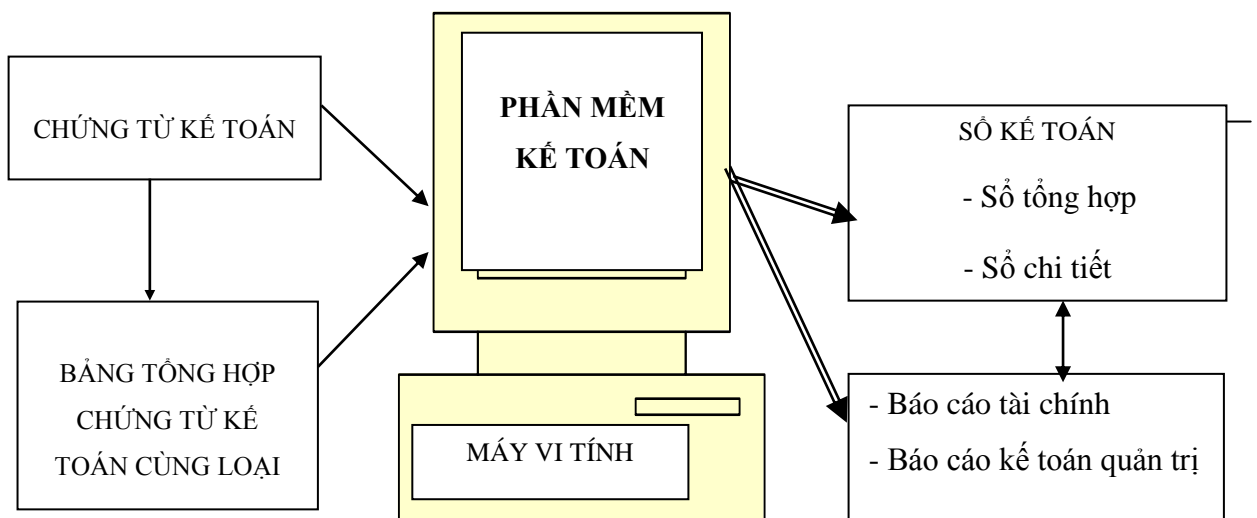
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

❖ **Hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản: Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ : Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.21 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN

2.1. Một số nét khái quát về công ty TNHH TM Tân Tiến.

2.1.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH TM Tân Tiến

- ❖ Tên Tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN**
- ❖ Tên Tiếng Anh: TAN TIEN TRADING COMPANY LIMITED
- ❖ Tên viết tắt: TAN TIEN TRACO.,LTD
- ❖ Trụ sở chính: Số 309 đường Trường Trinh, phường Lãm Hà, quận Kiến An, Hải Phòng
- ❖ Chi nhánh: Số 953 đường 5A, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- ❖ Điện thoại: 0313.798443
- ❖ Fax: 0313.798514
- ❖ Email: tantienhpvn@yahoo.com
- ❖ Mã số thuế: 0200145450
- ❖ Ngành nghề kinh doanh:
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng, kim khí, sắt thép, phế liệu, phế thải, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
 - Kinh doanh và dịch vụ kho bãi.
 - Gia công sản xuất hàng kim khí.
 - Dịch vụ giao nhận, xuất nhập khẩu hàng hoá.
 - Gia công, sản xuất hàng kim khí

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Tân Tiến.

Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến là đơn vị được thành lập theo Quyết định số 1505/2002 ngày 13 tháng 03 năm 2002 của Bộ Thương Mại. Với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu 52 tỷ. Và được Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số 049601 ngày 07/05/1997, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/09/2009.

Với sự nỗ lực không ngừng của bản thân công ty TNHH TM Tân Tiến đã phát huy được thế mạnh của mình, và từng bước đi lên xây dựng cơ sở vật chất tốt và tạo được uy tín trên thị trường, đóng góp một phần vào ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần tích cực trong việc tạo ra việc làm cho người lao động trên địa bàn công ty hoạt động.

➤ **Thuận lợi:**

- Cán bộ công nhân viên xí nghiệp đoàn kết trên dưới một lòng, phấn khởi yên tâm với nhiệm vụ được giao để phấn đấu xây dựng đơn vị vững mạnh.

- Là một công ty hoạt động trong thị trường thép - một thị trường đang rất phát triển ở trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Với nhu cầu ngày càng tăng của thị trường thì đây là điều kiện tốt cho ngành thép phát triển .

➤ **Khó khăn:**

- Các chi phí tăng: giá điện, giá nước, giá xăng... kéo theo sự gia tăng về chi phí đầu vào trong doanh nghiệp.

- Thị trường buôn bán thép có tính cạnh tranh cao, trong thị trường đã có và ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh hơn.

- Lực lượng cán bộ công nhân có trình độ nghề nghiệp chênh lệch, tiếp thu cái mới chậm.

➤ **Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được:**

- Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến từ khi thành lập đến nay đã tạo lập được uy tín của mình trong làng thép Việt Nam và thương hiệu thép Tân Tiến đã có mặt trong nhiều công trình lớn của đất nước.

- Công ty là nhà cung cấp, bạn hàng đáng tin cậy và quen thuộc của hàng loạt các công ty, cửa hàng và cá nhân trong nhiều các tỉnh thành trong nước.

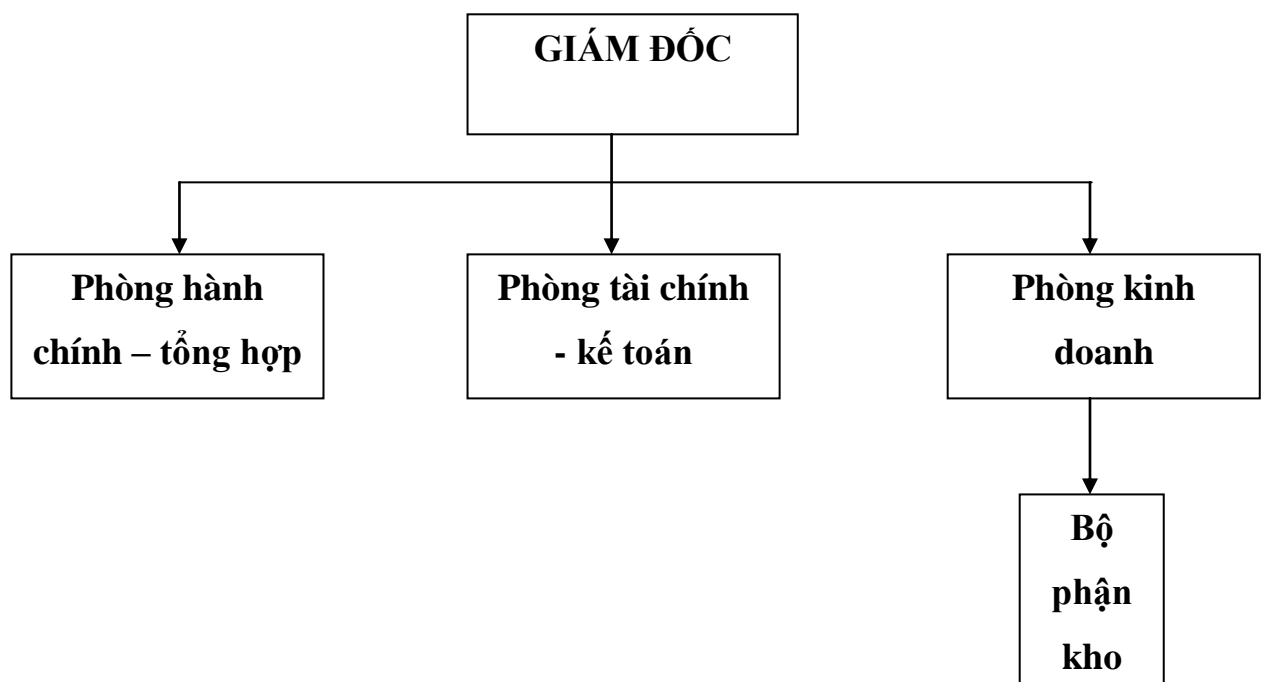
- Công ty đã kí kết được nhiều hợp đồng và tiêu thụ các mặt hàng với số lượng lớn.

Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động của công ty trong hai năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ(%)
Doanh thu BH	24.392.154.444	38.297.059.857	13.904.905.413	36,3%
Giá vốn hàng bán	22.325.265.879	33.807.319.212	11.482.053.333	33,96%
Lợi nhuận sau thuế	(1.727.753.253)	2.219.445.025	3.947.198.278	177,86%
Tổng tài sản	54.841.445.841	57.003.021.939	2.161.576.098	3,79%

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TM Tân Tiến.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH TM Tân Tiến



- **Giám đốc công ty:** Quản lý mọi hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về hiệu quả hoạt động của công ty.

- **Phòng hành chính – tổng hợp:** Có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm lo các vấn đề về nhân sự của công ty, tổ chức, quản lý hành chính công ty.

- **Phòng tài chính – kế toán:** Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết cho giám đốc công ty, thực hiện hạch toán theo quy định của nhà nước và điều lệ công ty, lập các báo cáo tài chính theo tháng, quý, năm.

- **Phòng kinh doanh:** Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm bạn hàng kinh doanh, tổ chức kế hoạch, chiến lược kinh doanh. Phòng kinh doanh sẽ quản lý các bộ phận kinh doanh khai thác kho bãi:

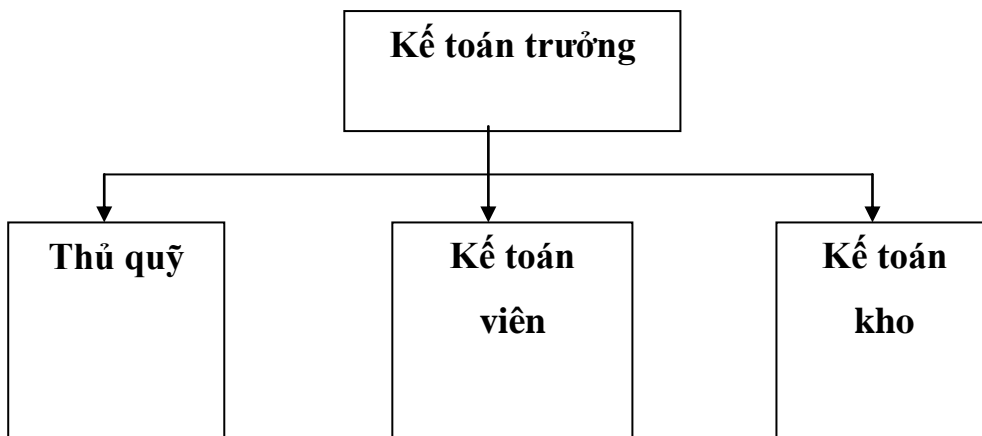
+ **Bộ phận kho:** Tổ chức và quản lý hàng hoá lưu kho, theo dõi và ghi chép việc thực hiện nhập, xuất hàng hoá tại kho.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TM Tân Tiến.

2.1.4.1. Bộ máy kế toán

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH TM Tân Tiến

**+ Kế toán trưởng:**

- Tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty.
- Lập kế hoạch và báo cáo giám đốc thường xuyên tình hình chi tiêu tại công ty.
- Điều hành và kiểm tra việc chấp hành các chế độ kế toán tài chính, thường xuyên báo cáo với Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.
- Chịu trách nhiệm sắp xếp, tổ chức bộ máy của phòng tài chính kế toán phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của phòng.
- Quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng tuân theo quy định của pháp luật.

+ Kế toán viên: Có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu chi bằng tiền của doanh nghiệp, khoá sổ kế toán tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ. Kiểm tra chứng từ đầu vào, đầu ra và tổng hợp số liệu, hoá đơn, chứng từ.

+ Thủ quỹ:

- Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt.
- Quản lý, bảo quản tiền mặt.
- Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

***Chế độ kế toán áp dụng.**

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính, niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Hình thức ghi sổ của công ty áp dụng là hình thức nhật ký chung và làm kế toán trên excel.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên, hàng tồn kho được ghi sổ theo giá gốc. Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước).

Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .

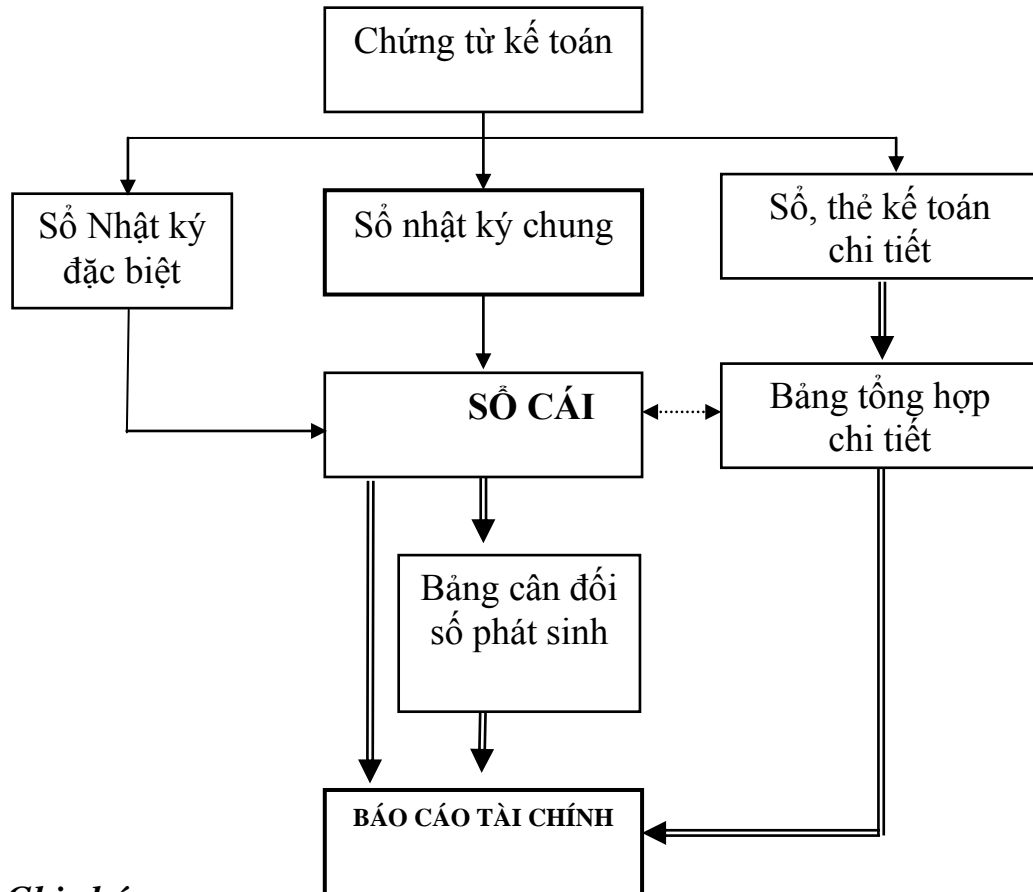
Hàng quý kế toán lập báo cáo theo quý, hàng năm lập báo cáo tổng hợp và quyết toán thuế.

2.1.4.2. Hình thức kế toán

Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung , theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Trình tự ghi sổ kế toán:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán gốc đã được kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...) dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung hoặc sổ nhật ký đặc biệt, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung (sổ nhật ký đặc biệt) để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu ghi trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các BCTC

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tân Tiến.

2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu

2.2.1.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Chứng từ sử dụng**

- + Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL)
- + Đơn đặt hàng
- + Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- + Giấy báo có
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)

*** Tài khoản sử dụng**

* Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm.
- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.

* Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan khác: TK 131, 111, 112, 3331,...

*** Phương pháp hạch toán**

- Do đặc điểm kinh doanh của công ty là buôn bán sắt thép do đó hình thức kinh doanh chủ yếu của công ty là bán lẻ hàng hoá cho các tổ chức kinh doanh và cá nhân có nhu cầu.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm khách hàng đã nhận hàng, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

- Hàng ngày, căn cứ vào đơn đặt hàng của khách hàng kế toán lập phiếu xuất bán hàng để giao hàng cho khách hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.

- Căn cứ vào các nghiệp vụ phát sinh ghi trong sổ nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái các tài khoản tương ứng.

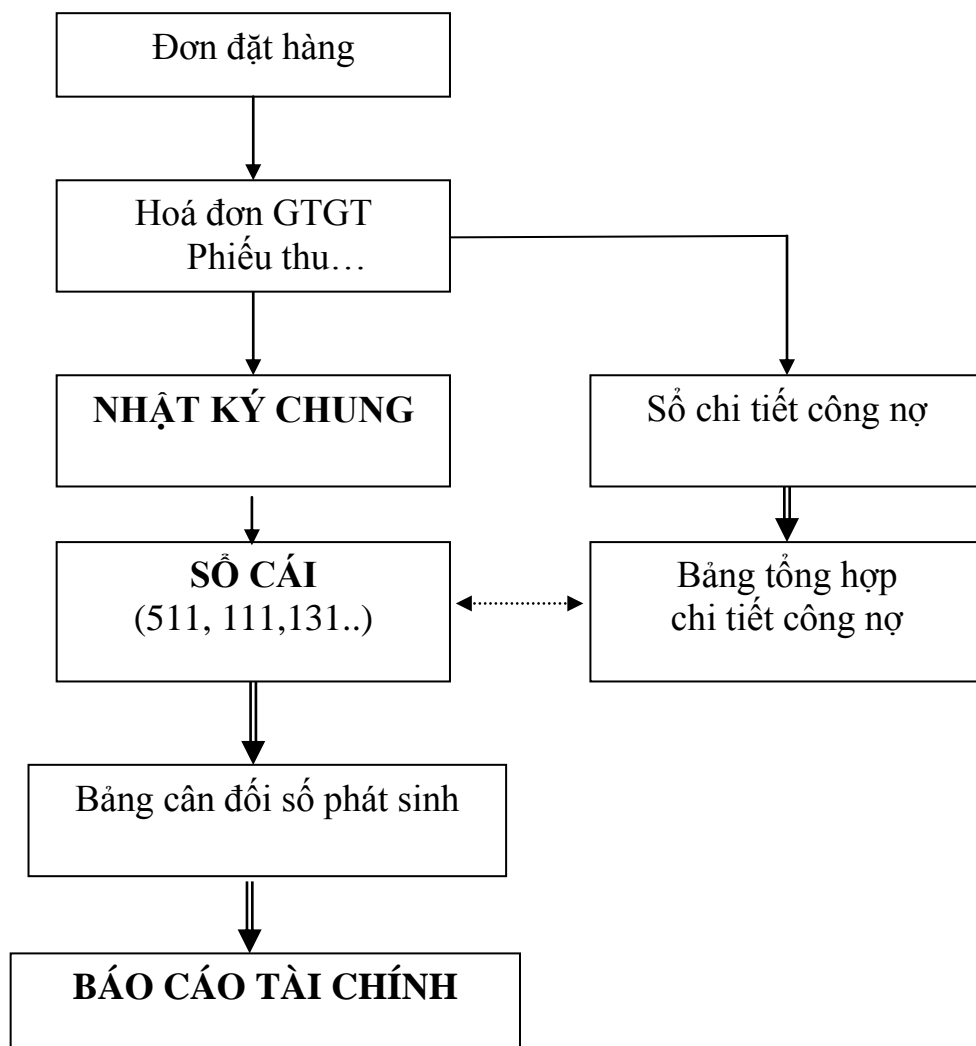
- Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết công nợ của từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp công nợ là căn cứ đối chiếu với sổ cái TK 131.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

- Do công ty không áp dụng các chính sách giảm giá hàng bán hay chiết khấu thương mại. Vì vậy, công ty không hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu và doanh thu thuần trong kỳ được xác định chính là doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- Thuế GTGT phải nộp = Trị giá thanh toán chưa thuế x % Thuế suất

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

VD1: Ngày 08/12/2010 Công ty xuất kho 510 Kg thép mã cho công ty TNHH sản xuất và TM Đức Thiệu, đơn giá chưa VAT10% 10.455đ/Kg. Tổng giá vốn: 4.889.370đồng. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào đơn đặt hàng ngày 08/12/2010 kế toán viết phiếu xuất kho số 598.

BIỂU 2.1: Phiếu xuất kho

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Mẫu số: 01 -VT							
CTY TNHH TM TÂN TIẾN	Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC						
Số 309 -Trường Trinh -Lãm Hà – Kiến An - HP	Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC						
PHIẾU XUẤT KHO							
Xuất ngày 08 tháng 12 năm 2010							
Số CT: 598 TK ghi nợ: 632 TK ghi có: 156							
Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Tuyết							
Diễn giải: Xuất bán thép mã							
Xuất tại kho: Kho công ty							
TT	Tên vật tư(hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thép Mã		Kg	510		4.889 .370	
	Cộng					4.889 .370	
<p>Xuất ngày 08 tháng 12 năm 2010 Số tiền bằng chữ: Năm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi đồng chẵn.</p>							
Phụ trách phòng (ký, họ tên)	Phụ trách cung tiêu (ký, họ tên)	Người giao hàng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Thủ kho (ký, họ tên)			

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT -3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NL/2010B																
Liên 3: Nội bộ			0020168																
Ngày 08 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Tân Tiến																			
Địa chỉ: Số 309 - Trường Trinh – P. Lãm Hà - Kiến An - HP																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại: 0313.798.443.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	1	4	5	4	5	0				
0	2	0	0	1	4	5	4	5	0										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Sản Xuất và TM Đức Thiệu																			
Địa chỉ: 111 Lê Lợi – Ngô Quyền - Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: Tiền mặtMS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	6	6	0	7	3	5				
0	2	0	0	6	6	0	7	3	5										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Thép Mã	Kg	510	10.455	5.332.050														
Cộng tiền hàng:					5.332.050														
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			533.205														
Tổng cộng tiền thanh toán					5.865.255														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm triệu tám trăm sáu năm ngàn hai trăm năm năm đồng chẵn.</i>																			
Người mua hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)</i>																			

Sau khi viết hóa đơn và có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan, kế toán thanh toán viết phiếu thu số 251, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu số 2.3: Phiếu Thu

Đơn vị: CTY TNHH TM Tân Tiên	Mẫu số 02 – TT Liên 1			
Địa chỉ: Số 309 - Trường Trinh – Lãm Hà - Kiến An – HP	Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC			
Mã số thuế: 0200.145.450	Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC			
Telefax: 0313.798.514				
PHIẾU THU				
Ngày 08 tháng 12 năm 2010				
	Số CT 251			
	TK ghi nợ : 1111			
	TK ghi có: 3331			
	TK ghi có: 5111			
Họ tên người nộp tiền: Phạm thu Trang				
Địa chỉ : Công ty TNHH Sản Xuất và TM Đức Thiệu				
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng HĐ số 0020168				
Số tiền: 5 865 255 VND				
Bằng chữ: Năm triệu tám trăm sáu năm ngàn hai trăm năm lăm đồng chẵn.				
Kèm theo.....01 HĐ0200168.....chứng từ gốc				
Ngày 08 tháng 12 năm 2010				
Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Kế toán thanh toán (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)

Căn cứ vào P XK 598 và giấy báo có kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung theo đúng quan hệ đối ứng tài khoản.

Biểu số 2.4: Trích Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: SO3a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: **Đồng**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
01/12	P XK 492	01/12	Xuất bán thép tấm	111 511 3331	17.338.633	15.762.394 1.576.239
					
02/12	PC 514	02/12	Thanh toán tiền dầu	641 111	472.654	472.654
					
02/12	PC 535	02/12	Chi phí vận chuyển theo HĐ 0168983	632 133 1111	60.000.000 3.000.000	63.000.000
					
06/12	PKT 42	06/12	Giá trị hao mòn lũy kế Giá trị còn lại	214 811 211	46.900.331 108.099.669	155.000.000
08/12	P XK 598	08/12	Giá vốn hàng bán cho Công ty sản xuất và thương mại Đức Thiệu	632 156	4.889.370	4.889.370
08/12	HĐ 0020168	08/12	Xuất bán hàng cho Công ty sản xuất và thương mại Đức Thiệu	111 511 3331	5.865.255	5.332.050 533.205
09/12	PT 336	09/12	Thu tiền bán hàng công ty Hùng Dũng	111 511 3331	21.604.000	19.640.000 1.940.000
	
31/12	PC 465	31/12	Thanh toán tiền điện tháng 11 <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i> <i>Thuế GTGT được KT</i> <i>Tiền VN</i>	6427 1331 111	956.734 95.673	1.052.407
31/12	GBC 47121057	31/12	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12	112 515	1.351.752	1.351.752
			Cộng chuyển trang sau		5.006.585.366	5.006.585.366

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: SO3a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐU'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có

			Số trang trước chuyển sang		5.006.585.366	5.006.585.366
31/12	KC_55	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511 911	38.297.059.875	38.297.059.875
31/12	KC_56	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	16.741.785	16.741.785
31/12	KC_57	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	33.8.7.319.212	33.8.7.319.212
31/12	KC_58	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911 641	349.835.292	349.835.292
31/12	KC_59	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	1.813.985.532	1.813.985.532
31/12	KC_60	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	8211 3334	739.815.008	739.815.008
31/12	KC_61	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN HH	911 8211	739.815.008	739.815.008
31/12	KC_62	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 4212	2.219.445.025	2.219.445.025
			Tổng số phát sinh		55.762.539.663	55.762.539.663

Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 511

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN

Mẫu số: S03a - DN

Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

Của bộ Tài chính)

Biểu số 2.5: Trích Sổ cái TK 511

TRÍCH SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511

Tên tài khoản: Doanh Thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 12 Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			
			Số phát sinh trong tháng			
01/12	PXK 492	01/12	Xuất bán thép tấm	1111		15.762.394
.....					
08/12	HĐ 0020168	08/12	Xuất bán hàng cho công ty TNHH sản xuất và TM Đức Thiệu	1111		5.332.050
09/12	PXK 601	09/12	Xuất bán hàng cho Công ty TNHH Hùng Dũng	1111		19.640.000
					
11/12	PXK 612	11/12	Xuất bán hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Lan	1311		39.800.000
					
31/12	KC_55	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911	38.297.059.857	
			Cộng số phát sinh tháng		38.297.059.857	38.297.059.857
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái tài khoản liên quan khác như :111, 131, 112, 33311

Biểu số 2.6: Trích Sổ Cái TK 111

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Số hiệu TK: 111

Tên tài khoản: Tiền mặt

Tháng 12 Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12		56.855.000	
			Số phát sinh trong tháng			
08/12	PT 335	08/12	Thu tiền hàng Cty sản xuất và thương mại Đức Thiệu	111	5.865.255	
09/12	PT 336	09/12	Thu tiền bán hàng công ty TNHH Hùng Dũng	511 3331	19.640.000 1.964.000	
...				
20/12	PT 494	20/12	Thu tiền bán hàng của công ty TNHH Thanh Hoa	511 3331	25.464.577 2.546.458	
...				
31/12	PC 456	31/12	Thanh toán tiền cước chuyển phát nhanh	642		1.546.200
		
			Cộng số phát sinh tháng		956.679.822	793.949.305
			Số dư cuối tháng 12		219.585.517	

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

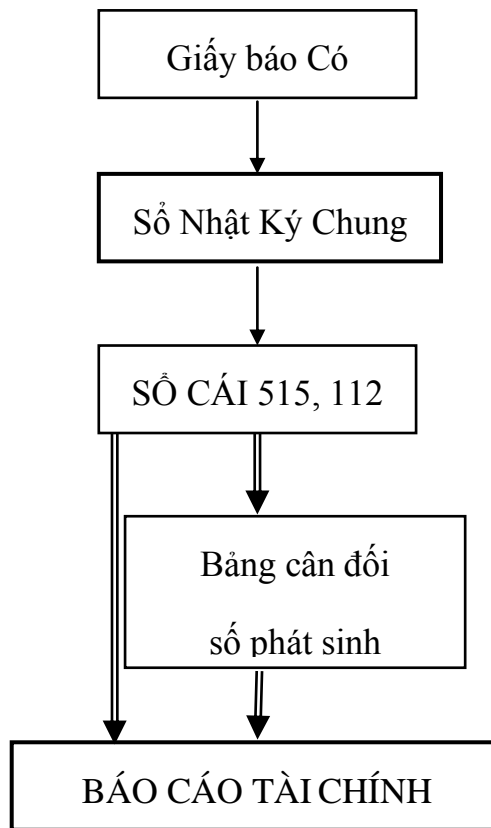
2.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH TM & XD An Sinh chỉ bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

- **Chứng từ sử dụng:** Giấy báo Có của ngân hàng
- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515, 112.

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ doanh thu tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Ví Dụ 2: Ngày 31/10/2010 nhập lãi tiền gửi Ngân hàng Ngoại Thương là 1.351.752VND theo giấy báo có Số 47121057

Biểu số 2.7: Giấy báo có

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM		Số (Seq.No.) 884196106 Ngày (date) 31/12/2010 Giờ (time) 06:44:23 PM
GIẤY BÁO CÓ		
Chi nhánh (Branch name): <i>SGD HẢI PHÒNG</i> Mã số thuế (Branch VAT code): <i>0100.1124.37004</i> Mã số khách hàng: <i>00606588 CÔNG TY TNHH TM TÂN TIẾN</i> <i>Client No.</i> Số TK/ Tên TK: <i>0200.0000.415.055 CÔNG TY TNHH TM TÂN TIẾN</i> <i>RB A/C No / A/C Name</i> Mã giao dịch: <i>FTCR-GD GHI CO TU TTTT</i> <i>Tran Type</i> Nội dung: <i>Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng</i> <i>Narrative</i> Số tiền bằng chữ: <i>Số tiền (Credit amount in figures & ccy code)</i> 1,351,752VND <i>Credit amount in words</i> <i>Một triệu ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng.</i> <i>Số dư (Ledger Balance & ccy)</i> 155,991,352 VND CR		

GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ
User ID KSV14918

KIỂM SOÁT
Supervisor ID

Căn cứ vào giấy báo có kê toán ghi vào nhật ký chung Biểu số 2.4 trang 51.
Sau đó căn cứ vào nhật ký chung kê toán ghi vào Sổ cái tài khoản 515

Biểu số 2.8:Trích Sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Tháng 12 Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			
			Số phát sinh trong tháng			
					
31/12	BC 88415861	31/12	Nhập lãi TGNH tháng 10	112		654.659
31/12	BC 884176643	31/12	Nhập lãi TNNH tháng 11	112		915.988
31/12	BC 884196106	31/12	Nhập lãi TNNH tháng 12	112		1.351.752
					
31/12	KC_56	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	16.741.758	
			Cộng số phát sinh tháng		16.741.758	16.741.758
			Số dư cuối tháng 12			

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí tại Công ty TNHH TM Tân Tiên

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

❖ Giá vốn hàng bán

▪ Để tổng hợp giá vốn số hàng đã xuất bán kế toán căn cứ vào số ghi trên bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn của hàng hóa để xác định giá vốn của số hàng đã xuất kho. Giá vốn của hàng xuất kho tiêu thụ được tính theo phương pháp nhập trước-xuất trước (FIFO)

▪ Theo phương pháp này, hàng hóa nào nhập trước thì cho xuất trước, xuất hết số nhập trước thì mới xuất số nhập sau theo giá thực tế của số hàng xuất. Nói cách khác, giá thực tế của hàng mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế của hàng xuất trước và do vậy giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng mua vào sau cùng.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

***Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Nhật ký chung
- Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn
- Sổ cái TK 632 và các tài khoản liên quan khác.

***Tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán:**

a. Tài khoản sử dụng:

- *Tài khoản 156: Hàng hóa*
- *Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán*

b. Phương pháp hạch toán:

(1) Khi xuất bán hàng cho khách hàng kế toán xác định giá vốn hàng bán :

Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán

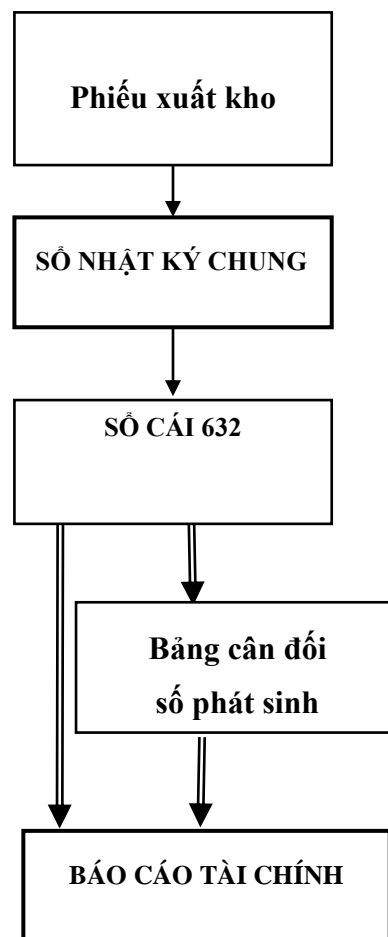
Có TK 1561 : Giá mua hàng hoá

(2) Mọi chi phí phát sinh khi mua hàng như chi phí vận chuyển, bốc dỡ...

được tính vào giá vốn hàng bán. Giá vốn của hàng đã tiêu thụ được dùng để xác định lãi gộp của số hàng đã bán

- Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán
- Nợ TK 1331 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- Có TK 331 : Phải trả người bán
- Có TK 111 : Tiền Việt nam
- Có TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Ví dụ 3: Ngày 31/12/2010 Xuất bán hàng cho công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Nam Thành, đơn giá bán chưa VAT 10% là 6.084đ/Kg. Công ty đã thu bằng chuyển khoản. Tổng giá vốn: 78.717.969đ.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 78.717.969
 Có TK 156 : 78.717.969

Từ phiếu xuất kho kế toán viết Hoá đơn GTGT thành ba liên

- Liên 1: Màu tím để lưu lại chứng từ gốc
- Liên 2: Màu đỏ giao khách hàng
- Liên 3: Màu xanh để lưu nội bộ

Căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất bán và đơn giá mua hàng xuất kho kế toán tính ra trị giá vốn thực tế xuất kho rồi viết phiếu xuất kho số 621

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho

<p>CTY TNHH TM TÂN TIẾN Số 309 - Trường Trinh - Lãm Hà - Kiến An - HP</p>		<p style="text-align: right;">Mẫu số: 01 -VT Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC</p>					
PHIẾU XUẤT KHO							
			Số CT: 621				
			TK ghi nợ: 632				
			TK ghi có: 156				
Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Mai Diễn giải: Xuất bán thép tấm Xuất tại kho: Kho công ty							
TT	Tên vật tư(hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Thép tấm chống trượt (85 x 1500 x 6000)		Kg	6.084		78.717.969	
	Cộng					78.717.969	
<p>Xuất ngày 31 tháng 12 năm 2010 Số tiền bằng chữ: <i>Bảy mươi tám triệu bảy trăm mười bảy nghìn, chín trăm sáu chín nghìn.</i></p>							
	Phụ trách phòng (ký, họ tên)	Phụ trách cung tiêu (ký, họ tên)	Người giao hàng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Thủ kho (ký, họ tên)		

Kế toán xuất HĐ số 0020181 cho khách hàng.

Biểu 2.8: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:01GTKT -3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NL/2010B																
Liên 3: Nội bộ			0020181																
Ngày 31 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Tân Tiến																			
Địa chỉ: Số 309 - Trường Trinh – P. Lãm Hà - Kiến An - HP																			
Số tài khoản: 1020.0000.415.055																			
Điện thoại: 0313.798.443.....MS:																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	2	0	0	1	4	5	4	5	0				
0	2	0	0	1	4	5	4	5	0										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: TNHH Xây Dựng và Thương Mại Nam Thành.....																			
Địa chỉ: 65 Ngô Quyền - Hải Phòng																			
Số tài khoản: 1020.0000.396.221																			
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.....MS:																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	2	0	0	3	6	9	6	3	7				
0	2	0	0	3	6	9	6	3	7										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Thép tấm chống trượt (85 x 1500 x 6000)	Kg	6.084	13.364	81.306.576														
Cộng tiền hàng					81.306.576														
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			8.130.657														
Tổng cộng tiền thanh toán:					89.437.233														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám chín triệu bốn trăm ba bảy nghìn hai trăm ba ba đồng.</i>																			
Người mua hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)																			

Sau khi viết phiếu xuất kho và HĐ GTGT kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.4 – trang 52). Căn cứ vào nhật ký chung kế toán vào các sổ cái TK

Biểu số 2.10:Trích Sổ Cái TK 632

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Tháng 12 Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			
			Số phát sinh trong tháng			
01/12	PXK 492	01/12	Xuất bán thép tấm	156	11.596.305	
					
08/12	PXK 598	08/12	Xuất bán hàng cho Cty sản xuất và TM Đức Thiệu	156	4.889.370	
					
09/12	PXK 601	09/12	Xuất bán hàng cho công ty TNHH Hùng Dũng	156	15.456.274	
11/12	PXK 612	11/12	Bán hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Lan	156	32.764.000	

31/12	KC_57	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	33.807.319.212	33.807.319.212
			Cộng số phát sinh tháng		33.807.319.212	33.807.319.212
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là một bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh nhằm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng hoá kinh doanh trong kỳ báo cáo.

*** Nội dung kinh tế của các khoản chi phí bán hàng tại công ty có:**

- Chi phí nhân viên bán hàng: bao gồm tiền công và quỹ trích nộp bắt buộc theo tiền công (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn)

- Chi phí vật liệu, bao bì chi dùng thực tế cho nhu cầu sửa chữa tài sản, xử lý hàng hoá dự trữ, bao gói hàng để tăng thêm giá trị thương mại cho hàng hoá

- Chi phí khấu hao TSCĐ của các khâu bán hàng (kho, quầy, cửa hàng, phương tiện vận tải,...)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: dịch vụ điện, nước, ga, khí, bảo hành, quảng cáo, điện thoại, vận tải, bốc xếp, hoa hồng ...

- Chi phí bằng tiền mặt khác: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.

*** Chứng từ sử dụng:**

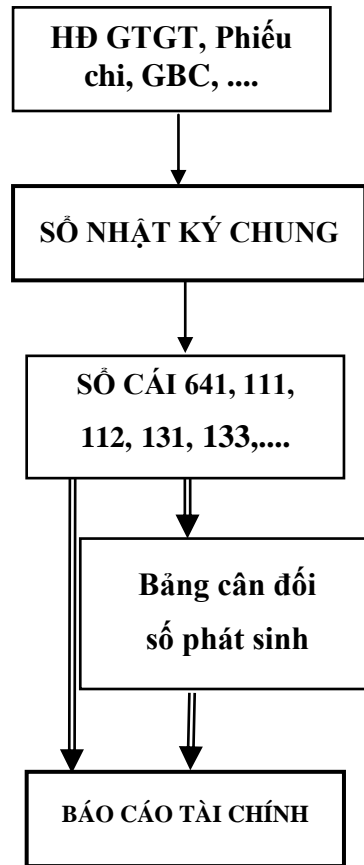
- Hoá đơn,
- Phiếu chi,
- Ủy nhiệm chi,
- Giấy tạm ứng,
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao,...

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 641- Chi phí bán hàng và các tài khoản liên quan khác.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Ví dụ 3: Ngày 15 tháng 12 năm 2010, công ty đã chi tiền mặt cho việc sửa chữa xe chở hàng với số tiền là 952.000đ.

Kế toán viết phiếu chi số 342 để chi tiền thanh toán cho khách hàng.

Biểu số 2.11: Phiếu chi

Đơn vị: CTY TNHH TM TÂN TIÊN		Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC		
Địa chỉ: Số 309-Trường Trinh-Lãm Hà-Kiến An-HP		Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC		
Mã số thuế: 0200145450				
Telefax: 0313.798.514				
PHIẾU CHI		Số CT	342	
Ngày 15/12/2010		TK ghi nợ	641	
		TK ghi có	1111	
Người nhận tiền: Trần Mạnh Cường				
Địa chỉ :	Phòng kinh doanh			
Lý do :	Thanh toán tiền sửa chữa xe			
Số tiền:	952.000đ			
Bằng chữ:	Chín trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn.			
Kèm theo.....01.....	chứng từ gốc			
				Ngày 15 tháng 12 năm 2010
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Từ phiếu chi đồng thời ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 04 trang 52) phản ánh nghiệp vụ chi tiền. Sau đó căn cứ vào nhật ký chung kế toán vào sổ cái Tài khoản 641 và các tài khoản khác liên quan.

Biểu số 2.12: Sổ cái TK 641

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Số hiệu TK: 641

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			
			Số phát sinh trong tháng			
02/12	PC 314	02/12	Thanh toán tiền đầu	1111	472.654	
					
15/12	PC 342	15/12	Trả tiền sửa xe phục vụ công tác bán hàng	1111	952.000	

31/12	PK45	31/12	Trả lương cho bộ phận bán hàng	3341	80.052.000	
31/12	PK49	31/12	Trích khấu hao TSCĐ hữu hình	214	6.205.550	
				
31/12	KC_58	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		349.835.292
			Cộng số phát sinh tháng		349.835.292	349.835.292
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

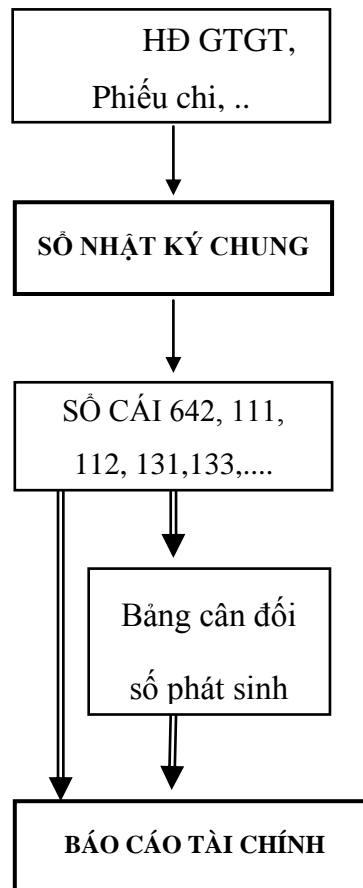
Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, như chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

* **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, hoá đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,....

* **Tài khoản sử dụng:** TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Ví dụ 4: Ngày 31 tháng 12 năm 2010, công ty đã chi tiền mặt thanh toán tiền điện tháng 11 phục vụ quản lý số tiền 1.052.407VNĐ.

Căn cứ vào hóa đơn tiền điện số 0073631 của Công ty Điện lực thành phố Hải Phòng kế toán viết phiếu chi số 365.

Đơn vị: CTY TNHH TM TÂN TIẾN		Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC		
Địa chỉ: Số 309-Trường Trinh-Lãm Hà-Kiến An-HP		Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC		
Mã số thuế: 0200145450				
Telefax: 0313.798.514				
PHIẾU CHI		Số CT	365	
Ngày 31/12/2010		TK ghi nợ	6421	
		TK ghi nợ	13311	
		TK ghi có	1111	
Người nhận tiền: Phạm Thị Thu				
Địa chỉ : Công ty Điện lực thành phố Hà Nội				
Lý do : Thanh toán tiền điện tháng 11				
Số tiền: 1.052.407đ				
Bằng chữ: Một triệu không trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm linh bảy đồng.				
Kèm theo.....01.....chứng từ gốc				
Giấy giới thiệu số: _____		Ngày...../...../.....		
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0073631 và phiếu chi số 365 kế toán sẽ tiến hành vào Sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ cái TK 642 và Sổ cái TK liên quan.

Biểu số 2.14: Sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			
			Số phát sinh trong tháng			
					
31/12	PC 365	31/12	Thanh toán tiền điện	111	1.052.407	

31/12	PK46	31/12	Trả lương cho bộ phận quản lý doanh nghiệp	3341	29.641.000	
					
31/12	PK50	31/12	Trích khấu hao TSCĐ hữu hình	214	5.080.174	
31/12	KC_59	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		1.813.985.532
			Cộng số phát sinh tháng		1.813.985.532	1.813.985.532
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tân Tiến

*** Tài khoản sử dụng:**

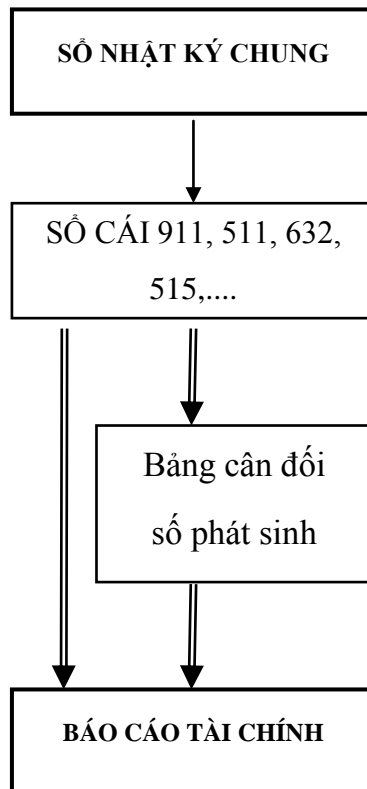
- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan khác: TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

.....

*** Chứng từ sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản liên quan: 911, 421, 641, 642, 632, 511...

Sơ đồ 2.9: Quy trình ghi sổ xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Căn cứ vào sổ cái các tài khoản liên quan như sổ cái 641, 642, 511 kế toán tiền hành kết chuyển rồi phản ánh vào Nhật ký chung (biểu số 04-trang 51) . Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 821

Biểu số 2.15: Sổ cái TK 821

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

SỔ CÁI						
Số hiệu TK: 821						
Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						
Tháng 12 năm 2010						
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>						
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			
			Số phát sinh trong tháng			
31/12	KC_60	31/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3334	739.815.008	
31/12	KC_61	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN HH	911		739.815.008
			Cộng số phát sinh tháng		739.815.008	739.815.008
			Số dư cuối kỳ			
 Người lập biểu <i>(ký, họ tên)</i>			 Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>		 Giám đốc <i>(ký, họ tên)</i>	

Đồng thời kế toán cũng ghi vào sổ cái TK421- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Biểu số 2.16: Sổ Cái TK 421

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 421

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			616.052.008
			Số phát sinh trong tháng			
31/12	KC_62	31/12	Kết chuyển chi phí thuế LNST	911		1.603.393.017
			Cộng số phát sinh tháng			2.219.445.025
			Số dư cuối kỳ			2.219.445.025

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Cuối kỳ kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh

Biểu số 2.17: Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN
Số 309 – Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
Của bộ Tài chính)

SỔ CÁI						
Số hiệu TK: 911						
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh						
Tháng 12 năm 2010						
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>						
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			
			Số phát sinh trong tháng			
31/12	KC_55	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		38.297.059.875
31/12	KC_56	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		16.741.785
31/12	KC_57	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	33.807.319.212	
31/12	KC_58	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	349.835.292	
31/12	KC_59	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1.813.985.532	
31/12	KC_61	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN HH	821	739.815.008	
31/12	KC_62	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	2.219.445.025	
			Cộng số phát sinh tháng		38.942.400.069	38.942.400.069
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

❖ Cách lập Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh:

Kế toán căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước và tất cả các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 để lập nên Báo cáo kết quả kinh doanh.

Cách lập từng chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu 1: *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)*: Số liệu để kế toán ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của TK 511 và TK 512 trong năm báo cáo trên sổ cái của từng tài khoản.

- Chỉ tiêu 2: *Các khoản giảm trừ doanh thu: (Mã số 02)*: Số liệu để kế toán ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên nợ của TK 511 và TK 512 đối ứng với bên có của TK 521, TK 531, TK532, TK333(chi tiết TK 3331, TK 3332, TK 3333)

- Chỉ tiêu 3: *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: (Mã số 10)*
Mã số 10 = Mã số 01 - Mã số 02

- Chỉ tiêu 4: *Giá vốn hàng bán (Mã số 11)*: Số liệu để kế toán ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của TK 632 trong kỳ báo cáo đối ứng với bên nợ của TK 911 trên sổ cái.

- Chỉ tiêu 5: *Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)* :
Mã số 20 = Mã số 10 – Mã số 11

- Chỉ tiêu 6: *Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên nợ của TK 515 đối ứng với bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

- Chỉ tiêu 7: *Chi phí tài chính (Mã số 22)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của TK 635 đối ứng với bên nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

Trong đó: *Chi phí lãi vay (Mã số 23)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào sổ kế toán chi tiết TK 635.

- Chỉ tiêu 8: *Chi phí bán hàng (Mã số 24)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên có của TK 641 đối ứng với bên nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

- Chỉ tiêu 9: *Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên có của TK 642 đối ứng với bên nợ của

TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

- Chỉ tiêu 10: *Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)*: Chỉ tiêu này được tính trên cơ sở lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ cộng (+) doanh thu hoạt động tài chính trừ (-) Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} - \text{Mã số 25}$$

- Chỉ tiêu 11: *Thu nhập khác (Mã số 31)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên nợ của TK 711 đối ứng với bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

- Chỉ tiêu 12: *Chi phí khác (Mã số 32)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có của TK 811 đối ứng với bên nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

- Chỉ tiêu 13: *Lợi nhuận khác (Mã số 40)*

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

- Chỉ tiêu 14: *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)*:

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

- Chỉ tiêu 15: *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có của TK 8211 đối ứng với bên nợ của TK 911 hoặc căn cứ vào số phát sinh bên nợ của TK 8211 đối ứng với bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo (trường hợp này thường ghi âm).

- Chỉ tiêu 16: *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có của TK 8212 đối ứng với bên nợ của TK 911 hoặc căn cứ vào số phát sinh bên nợ của TK 8212 đối ứng với bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo (trường hợp này thường ghi âm).

Biểu số 2.18: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2010

Mã	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	1. Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	IV.08	38.297.059.857	24.392.154.444
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu:		-	-
4	- Chiết khấu thương mại			
5	- Giảm giá hàng bán			
6	- Hàng bán bị trả lại			
7	- Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		38.297.059.857	24.392.154.444
11	4. Giá vốn hàng bán		33.807.319.212	22.325.265.879
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		4.489.740.645	2.066.888.565
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính.		16.741.785	10.767.000
22	7. Chi phí tài chính.		-	-
23	- Trong đó: Lãi vay phải trả.		-	-
24	8. Chi phí bán hàng.		349.835.292	1.352.556.336
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp.		1.813.985.532	2.806.852.482
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 +21 - 22 - 24-25)		2.342.661.606	(2.081.753.253)
31	11. Thu nhập khác.		628.598.427	360.000.000
32	12. Chi phí khác.		12.000.000	6.000.000
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		616.598.427	354.000.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	IV.09	2.959.260.033	(1.727.753.253)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		739.815.008	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (60 = 50 - 51)		2.219.445.025	(1.727.753.253)

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH TM TÂN TIỀN

3.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong các doanh nghiệp, việc tiêu thụ hàng hóa, phân tích doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh là vấn đề rất quan trọng. Sự quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường là làm thế nào để sản phẩm hàng hoá của mình tiêu thụ được trên thị trường và được thị trường chấp nhận đảm bảo thu hồi vốn, bù đắp các chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp làm ăn có lãi.

Đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh thương mại. Để có quá trình phân tích doanh thu và xác định kết quả kinh doanh thì họ phải trải qua một khâu cực kỳ quan trọng đó là khâu tiêu thụ hàng hóa. Có thể nói rằng tiêu thụ hàng hóa mang ý nghĩa sống còn đối với một doanh nghiệp. Tiêu thụ là một giai đoạn không thể thiếu trong mỗi chu kỳ kinh doanh vì nó có tính chất quyết định tới sự thành công hay thất bại của một chu kỳ kinh doanh và chỉ giải quyết tốt được khâu tiêu thụ thì doanh nghiệp mới thực sự thực hiện được chức năng của mình là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.

Bên cạnh việc tổ chức kế hoạch tiêu thụ hàng hoá một cách hợp lý. Để biết được doanh nghiệp làm ăn có lãi không thì phải nhờ đến kế toán phân tích doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Vì thế việc hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có một vai trò rất quan trọng. Kế toán phân tích doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một trong những thành phần chủ yếu của kế toán doanh nghiệp về những thông tin kinh tế một cách nhanh nhất và có độ tin cậy cao, nhất là khi nền kinh tế đang trong giai đoạn cạnh tranh quyết liệt mỗi doanh nghiệp đều tận dụng hết những năng lực sẵn có nhằm tăng lợi nhuận củng cố mở rộng thị phần của mình trên thị trường.

Cũng như các doanh nghiệp khác Công ty TNHH TM TÂN TIỀN là một doanh nghiệp thương mại đã sử dụng kế toán để điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Trong đó kế toán theo dõi tiêu thụ hàng hoá và xác

định kết quả kinh doanh hàng hoá có nhiệm vụ theo dõi quá trình bán hàng số lượng hàng hoá bán ra, chi phí bán hàng để cung cấp đầy đủ thông tin về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh từng kỳ cho lãnh đạo công ty để họ có thể ra những quyết định đúng đắn nhất, chính xác nhất và có lợi cho công ty nhất.

3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tân Tiến.

3.1.1. Những kết quả đạt được

- Bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm quy mô của công ty. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán theo kiểu tập trung đảm bảo được sự lãnh đạo thống nhất, tập trung trong công ty đảm bảo cho kế toán phát huy được vai trò và chức năng của mình tạo điều kiện cho việc phân công lao động, chuyên môn của nhân viên kế toán.

- Đội ngũ nhân viên trẻ nhiệt tình, ham học hỏi có trình độ chuyên môn tương đối vững vàng .

- Hình thức kế toán công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với mức độ hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra tại công ty. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian do vậy mọi thông tin kế toán đều được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

- Công ty áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, do vậy tình hình nhập xuất tồn kho nguyên liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hóa luôn được báo cáo kịp thời, đầy đủ tạo thuận lợi cho hoạt động của công ty.

- Công ty thực hiện trích và phân bổ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao bình quân là rất hợp lý, vì phương pháp này đơn giản, dễ tính toán. Tỷ lệ khấu hao và mức khấu hao hàng năm được xác định theo mức không đổi trong suốt thời gian sử dụng tài sản. Vì vậy, lãnh đạo công ty luôn chủ động trong việc lập kế hoạch giá thành sản phẩm.

- Chứng từ kế toán sử dụng theo quy định và mẫu của bộ tài chính ban hành. Từ khi bắt đầu hoạt động đến nay công tác kế toán của doanh nghiệp luôn sử dụng và thực hiện hợp lý và hợp pháp các mẫu chứng từ và hình thức luân chuyển chứng

từ phù hợp. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh đầy đủ và trung thực trên các chứng từ và sổ sách theo hình thức ghi sổ phù hợp. Nhờ vậy, việc phân loại và tổng hợp các thông tin kinh tế việc ghi sổ gặp nhiều thuận lợi.

- Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo hướng dẫn của chế độ kế toán.

Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO) phù hợp với mặt hàng kinh doanh của công ty. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

3.1.2. Những hạn chế

✚ Về việc luân chuyển chứng từ

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì thế, công ty đã xây dựng được quy trình luân chuyển chứng từ đối với phân hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Theo quy trình này, thủ kho phải lập bảng kê hoá đơn thực xuất trong ngày dựa trên số lượng thực tế đã xuất của mỗi hoá đơn và chuyển cho kế toán. Mặc dù có quy trình rõ ràng nhưng do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ nên việc lập bảng kê hoá đơn thực xuất trong ngày của công ty chưa kịp thời, nhanh gọn. Bảng kê hoá đơn thực xuất được chuyển lên phòng kế toán thường bị chậm, có khi thủ kho để dồn đến cuối tháng mới chuyển cho phòng kế toán nên vào cuối tháng lượng công việc của kế toán là rất nhiều, dễ xảy ra nhầm lẫn.

✚ Chưa sử dụng phần mềm kế toán

Công ty TNHH TM Tân Tiến là công ty thương mại, trong một tháng có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép mà công việc kế toán chủ yếu được tiến hành trên Excel do vậy các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch dòng dẫn đến đưa ra các báo cáo không chính xác sẽ ảnh hưởng đến công ty.

✚ Về việc áp dụng chiết khấu

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

✚ Về việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ bao nhiêu đều được phản ánh vào chi phí phát sinh trong kỳ mà không quan tâm là chi phí đó lớn hay nhỏ để phân bổ dần vào chi phí các kỳ kế toán tiếp theo. Như vậy nếu trong kỳ hàng hoá mua về nhiều mà chưa bán được thì chi phí sẽ bị đội lên, làm cho thu nhập trước thuế giảm xuống, từ đó làm giảm khoản thuế phải nộp. Điều đó là không đúng.

✚ Chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính trong tương lai doanh nghiệp không thu hồi được nợ.

3.1.3 Nguyên nhân của thực trạng

- Về phía nhà nước, cơ quan chức năng:

Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, không mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy không chặt chẽ, cơ chế, quy định chưa rõ ràng, còn chồng chéo. Quá trình xử lý vi phạm không nghiêm minh.

- Về phía tổ chức nghề nghiệp:

+ Hoạt động còn mang tính chất hình thức chưa phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

+ Thiếu nguồn lực.

+ Thiếu năng lực, thiếu cán bộ chuyên trách.

+ Thiếu một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển hiệp hội: Khung pháp lý hiện hành còn chưa hệ thống hóa và phức tạp, với các thủ tục đăng ký phức tạp.

- Về phía doanh nghiệp:

+ Do thói quen: Trong công ty việc hạch toán và phương pháp hạch toán được duy trì từ kế toán cũ rất ít được thay đổi. Đây là thói quen cố hữu và tồn tại trong một số thành viên trong phòng kế toán, họ không muốn thay đổi phương pháp làm việc.

+ Chậm đổi mới: Xã hội ngày càng phát triển, khoa học kỹ thuật ngày càng được ứng dụng nhiều vào trong mọi lĩnh vực của đời sống. Ngành kế toán cũng không ngoại trừ. Vì vậy phương pháp hạch toán, kế toán cũng đòi hỏi phải thay đổi theo để cho công việc hạch toán được nhanh chóng, và mức độ chính xác cao.

+ Cán bộ già: Đội ngũ nhân viên trong các phòng ban của công ty đa số là những người có vài chục năm kinh nghiệm, làm quen với kiểu công. Bên cạnh những ưu điểm là có kinh nghiệm thì đội ngũ cán bộ lâu năm thường chậm nắm bắt kịp được với những ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc. Và họ có tư tưởng ngại tiếp cận với những cái mới, không muốn thay đổi thói quen trong công việc.

+ Yêu cầu quản lý, kiểm tra công tác kế toán tại công ty không đầy đủ, không chặt chẽ.

+ Tính tự giác và tinh thần trách nhiệm của cán bộ kế toán chưa cao.

+ Điều kiện tài chính còn hạn chế.

3.1.4. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực trạng.

Từ thực trạng của Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến những bài học kinh nghiệm được rút ra như sau:

-Về phía nhà nước, cơ quan chức năng:

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm.

-Về phía tổ chức nghề nghiệp:

+ Cần hoạt động đúng theo chức năng, nhiệm vụ của hiệp hội.

+ Cần xây dựng một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển hiệp hội thống nhất và xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các hiệp hội doanh nghiệp.

+ Nguồn lực cần được đảm bảo và đồng thời cũng đảm bảo về trình độ chuyên môn.

-Về phía doanh nghiệp:

+ Nhân viên kế toán cần thay đổi và học hỏi công tác hạch toán và phương pháp hạch toán, đồng thời áp dụng khoa học kỹ thuật vào việc hạch toán và phương pháp để cung cấp số liệu đầy đủ và nhanh chóng hơn cho doanh nghiệp trong chiến lược phát triển.

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính để đảm bảo nguồn tài chính cho sự hoạt động và phát triển của doanh nghiệp

+ Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện

Để đạt hiệu quả cao trong việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, công ty TNHH Thương mại Tân Tiến dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán, đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy, khi hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ quản lý. Do đó, việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ

tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu về thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp người quản lý nắm bắt tình hình. Từ đó, ra quyết định đúng đắn và cần thiết.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn càng hiệu quả. Vì vậy, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với hạch toán kinh tế.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

Kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực cho công tác quản lý thông qua việc thu thập, xử lý, tính toán, tổng hợp, cân đối số liệu để cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nắm vững các chức năng nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác quản lý nói riêng. Hoàn thiện công tác kế toán ngay từ hệ thống chứng từ ban đầu nâng cao tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách dễ dàng, tiết kiệm được chi phí, thời gian. Hệ thống sổ sách kế toán đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc đối chiếu và bám sát tình hình kinh doanh. Công tác kế toán cuối kỳ sẽ được phản ánh chính xác, kịp thời và đáng tin cậy.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên lý thuyết mà phải phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát tình hình thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin phải xác thực phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Về việc luân chuyển chứng từ

Công ty cần quy định cụ thể thời gian chuyển bảng kê hóa đơn thực xuất

trong ngày từ thủ kho cho nhân viên kế toán doanh thu chậm nhất vào sáng ngày hôm sau để nhân viên kế toán có thể ghi nhận doanh thu kịp thời, giảm khối lượng công việc vào cuối mỗi tháng.

Việc sử dụng phần mềm kế toán

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài. Đồng thời giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để họ có thể dành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA...

Và có rất nhiều doanh nghiệp cung cấp phần mềm miễn phí cho doanh nghiệp như Phần mềm kế toán SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam. Đây cũng là phần mềm rất hay. Doanh nghiệp chỉ cần gửi hồ sơ đăng ký qua mail, fax hoặc bưu điện Công ty SIS sẽ hẹn ngày đến lấy đĩa cài và hướng dẫn sử dụng cho doanh nghiệp. Công ty còn mở các khóa đào tạo trực tiếp cho khách hàng.

Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì trình tự hạch toán sẽ như sơ đồ 1.21

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả các sổ sách kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.

Từ đó lập nên các báo cáo tài chính.

Việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán.

* **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:
 - Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)
 - Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp
 - Có TK 111,112 - Thanh toán ngay
 - Có TK 131 - Phải thu của khách hàng
- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người

mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

*** Phương pháp kế toán TK 532 “Giảm giá hàng bán”**

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 532 - Số tiền giảm giá cho hàng bán

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp theo số tiền giảm giá

Có TK 111,112,131 - Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ hạch toán kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu:

Nợ TK 511 - Giảm giá hàng bán

Có TK 532 - Kết chuyển giảm giá hàng bán

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể công ty không thể giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

📌 Về việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nếu phát sinh lớn có thể hạch toán vào TK 142 , 242- Chi phí trả trước để phân bổ dần vào các kỳ kế toán tránh tình trạng chi phí tăng cao vào một tháng có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

Khi phát sinh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp với giá trị lớn, kế toán phản ánh:

Nợ TK 142, 242 : Chi phí trả trước

Có TK 111, 112.....: các tài khoản liên quan.

Hàng tháng phân bổ dần vào chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 641, 642 : Phần chi phí phân bổ vào chi phí BH và QLDN

Có TK 142,242 : Chi phí trả trước

🚧 Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các BCTC của năm báo cáo.

Phương pháp xác định

Cách 1: Có thể ước tính một tỷ lệ nhất định (theo kinh nghiệm) trên doanh số bán chịu

$$\text{Số dự phòng phải lập} = \text{Doanh số phải thu} \times \text{Tỷ lệ ước tính}$$

Cách 2: Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu I đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ hoặc cam kết nợ.

Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế(các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập: (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

▪ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tài khoản sử dụng: TK139

Phương pháp hạch toán:

- Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phần chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK642

Có TK 139

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhiều hơn kì trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK139

Có TK642

- Xoá nợ:

Nợ TK 139

Có TK 642

Có TK 131

Có TK138

Đồng thời ghi Nợ TK004

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xoá nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 771

Trên đây là một vài nhận xét và kiến nghị của em đưa ra nhằm giúp công ty có thêm những lựa chọn trong công tác kế toán các nghiệp vụ bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trong quá trình thực tập tại công ty. Do kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nhưng với những gì được nghiên cứu và giảng dạy trên ghế nhà trường em có đưa ra những nhận định trên hy vọng sẽ được sự quan tâm của quý công ty đến những kiến nghị đó.

3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp.**3.4.1. Về phía Nhà nước, cơ quan chức năng.**

Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm.

3.4.2. Về phía hiệp hội nghề nghiệp.

+ Cần xây dựng một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển hiệp hội thống nhất và xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các hiệp hội doanh nghiệp.

+ Nguồn lực cần được đảm bảo và đồng thời cũng đảm bảo về trình độ chuyên môn.

3.4.3. Về phía doanh nghiệp.

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán.

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính.

+ Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

+ Những người làm công tác kế toán: Phải nỗ lực học tập, có tinh thần trách nhiệm, đủ trình độ chuyên môn.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khoá luận: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tân Tiến đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, về kế toán doanh thu, kế toán chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM Tân Tiến năm 2010 để chứng minh cho khóa luận.

- Đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM Tân Tiến: khóa luận đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh ở Công ty. Những kiến nghị này tuy còn mang màu sắc lý thuyết song phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tế nên cũng mang tính khả thi. Đó cũng là đóng góp nhỏ bé vào công tác hạch toán kế toán hiện nay. Để đạt được điều này, em đã được sự chỉ bảo nhiệt tình của PGS.Tiến sĩ Thịnh Văn Vinh và cán bộ phòng tài chính kế toán ở Công ty TNHH TM Tân Tiến.

Do kiến thức về mặt lý luận còn hạn chế nên chắc chắn bài báo cáo này còn nhiều thiếu sót, em mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để hoàn thiện bài viết một cách tốt nhất và giúp cho bản thân em có điều kiện tìm hiểu môi trường thực tiễn để nâng cao các nghiệp vụ chuyên môn của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Phạm Thị Thúy

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/Q Đ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ tài chính_Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
2. Giáo trình “Tổ chức công tác kế toán” của trường Đại học Tài Chính Kế Toán.
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – 6 chuẩn mực kế toán mới – Nhà xuất bản Tài Chính năm 2004.
4. Hệ thống kế toán doanh nghiệp. Hướng dẫn về chứng từ, sổ sách kế toán.
5. Tài liệu từ các bản luận văn khác.
6. Tài liệu “Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM Tân Tiến” cùng hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán của công ty.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Khái quát về doanh thu	3
1.1.1.1 Doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu	3
1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu	3
1.1.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu	5
1.1.2 Khái quát về chi phí	6
1.1.2.1 Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
1.1.2.2 Chi phí tài chính.....	8
1.1.2.3 Chi phí khác	8
1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.4 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.1.5 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	10
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	11
1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu.....	11
1.2.1.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.	11
1.2.1.2. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	15
1.2.1.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	17
1.2.1.4 Kế toán doanh thu tài chính	19

1.2.1.5 Kế toán thu nhập khác.....	21
1.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí	23
1.2.2.1. Tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	23
1.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính	29
1.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính	30
1.2.2.3. Kế toán chi phí khác.....	30
1.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	32
1.2.4 Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.....	34
Chương 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN.....	39
2.1. Một số nét khái quát về công ty TNHH TM Tân Tiến.	39
2.1.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH TM Tân Tiến	39
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Tân Tiến.	39
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TM Tân Tiến.	41
2.1.4.2. Hình thức kế toán	44
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tân Tiến.	46
2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu	46
2.2.1.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	46
2.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính.....	55
2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí tại Công ty TNHH TM Tân Tiến	58
2.2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán.....	58
2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng	63
2.2.2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	67
2.2.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tân Tiến	70
Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH TM TÂN TIẾN.....	77

3.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	77
3.1.2. Những hạn chế	79
3.1.3 Nguyên nhân của thực trạng	80
3.1.4. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực trạng.	81
3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện.....	82
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.....	82
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	83
3.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	84
3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp.	89
3.4.1. Về phía Nhà nước, cơ quan chức năng.	89
3.4.2. Về phía hiệp hội nghề nghiệp.....	89
3.4.3. Về phía doanh nghiệp.....	89
KẾT LUẬN	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91